

BÁO CÁO**sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội
Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX**-----
*Phần thứ nhất***tình hình và nguyên nhân**

Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX đạt nhiều kết quả quan trọng.

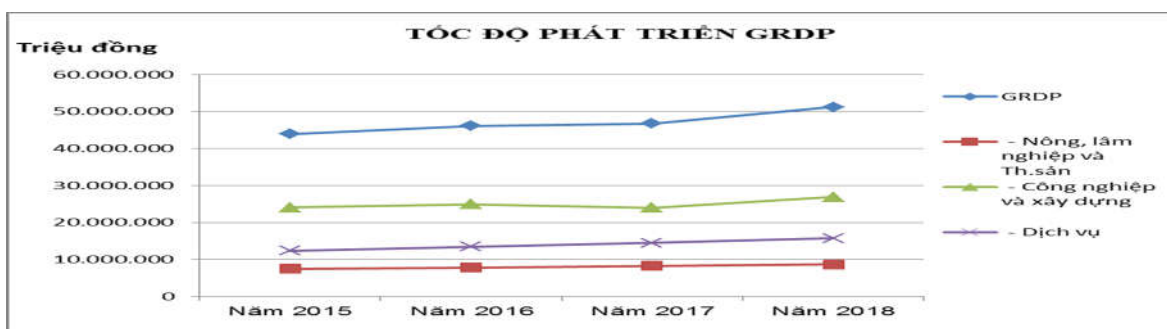
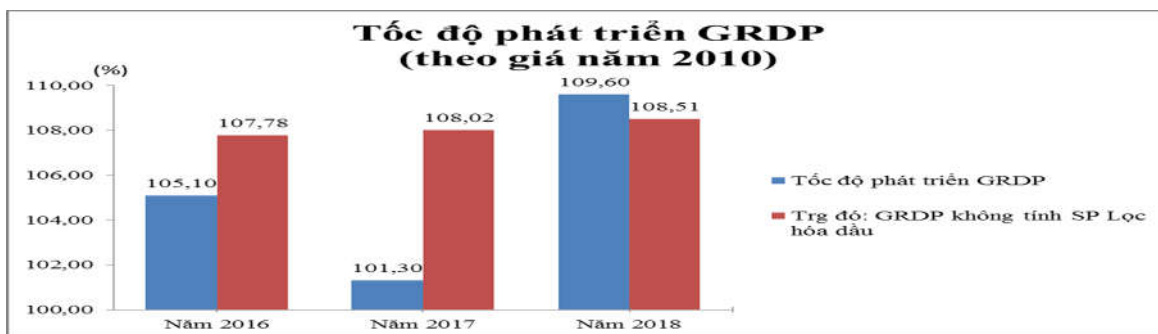
I. Về phát triển kinh tế - xã hội**1. Kinh tế tiếp tục tăng trưởng; quy mô tổng sản phẩm tăng lên đáng kể**

1.1. Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) giai đoạn 2016 – 2018 tăng bình quân 5,28% (chỉ tiêu Nghị quyết tăng 6 - 7%/năm); nếu không tính sản phẩm lọc hóa dầu thì GRDP tăng 8,1%. Quy mô tổng sản phẩm năm 2018 ước đạt 51.224 tỷ đồng (giá so sánh 2010)¹, tăng 7.342 tỷ đồng so với năm 2015. Chất lượng, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế được nâng lên; môi trường đầu tư từng bước được cải thiện. GRDP bình quân đầu người năm 2018 ước đạt 57,8 triệu đồng, tương đương 2.514 USD (chỉ tiêu đến năm 2020 đạt 3.600 - 4.000 USD/người).

**Tốc độ phát triển tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)
giai đoạn 2016 – 2018**

| | <i>DVT: %</i> | | | |
|---|---------------|---------------|---------------------|------------------------|
| | 2016 | 2017 | Ước tính 2018 | BQ GD 2016- 2018 |
| Tổng SP trên địa bàn (GRDP) | 105,10 | 101,30 | 109,60 | 105,28 |
| <i>Trong đó: GRDP không tính SP lọc hóa dầu</i> | <i>107,78</i> | <i>108,02</i> | <i>108,51</i> | <i>108,10</i> |
| - Nông, lâm nghiệp và thủy sản | 104,50 | 105,75 | 104,50 | 104,92 |
| - Công nghiệp - xây dựng | 103,39 | 96,31 | 112,07 | 103,73 |
| + Công nghiệp | 103,48 | 94,97 | 111,21 | 103,00 |
| <i>Trong đó: Riêng CN lọc hóa dầu</i> | <i>100,80</i> | <i>89,78</i> | <i>111,83</i> | <i>100,40</i> |
| + Xây dựng | 102,44 | 110,57 | 120,20 | 110,77 |
| - Dịch vụ | 108,78 | 107,95 | 108,40 | 108,38 |

¹ Tính theo giá hiện hành ước đạt 73.618 tỷ đồng, tăng 12.912 tỷ đồng.



Trong 3 khu vực kinh tế thì khu vực dịch vụ có tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm cao nhất với mức tăng 8,38%/năm; khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản có mức tăng bình quân 4,92%/năm; khu vực công nghiệp - xây dựng có mức tăng bình quân 3,73%/năm; khu vực dịch vụ có tốc độ tăng trưởng cao nhất nên đóng góp vào tốc độ tăng chung của GRDP lớn nhất.

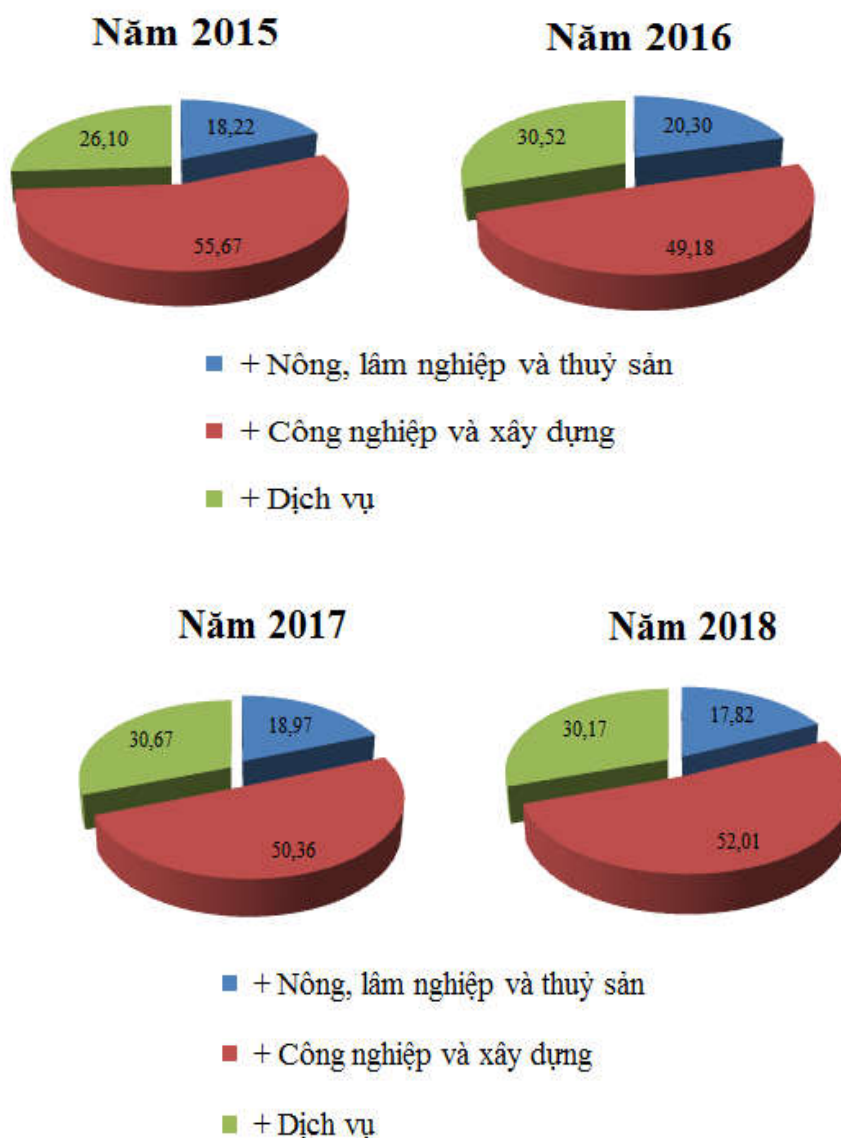
Tỷ lệ đóng góp của các khu vực vào tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) giai đoạn 2016 - 2018

| | <i>ĐVT: %</i> | | |
|--|---------------|-------------|---------------|
| | 2016 | 2017 | Ước tính 2018 |
| Tốc độ tăng tổng SP trên địa bàn (GRDP) | 5,10 | 1,30 | 9,60 |
| <i>Tỷ lệ đóng góp:</i> | | | |
| - Nông, lâm nghiệp và thủy sản | 0,77 | 0,97 | 0,80 |
| - Công nghiệp - xây dựng | 1,86 | -1,99 | 6,19 |
| - Dịch vụ | 2,47 | 2,32 | 2,61 |

1.2. Về chuyển dịch cơ cấu kinh tế: Năm 2018, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng chiếm 52,01%; dịch vụ 30,17%; nông, lâm nghiệp và thủy sản 17,82% (*chỉ tiêu Nghị quyết lần lượt là 60-61%; 28-29%; 11-12%*). Giai đoạn 2016 – 2018, khu vực công nghiệp và xây dựng có mức tăng trưởng thấp hơn mức tăng trưởng chung GRDP nên tỷ trọng của khu vực này trong GRDP không có sự chuyển biến; trong khi đó khu vực dịch vụ có mức tăng cao nên chiếm tỷ trọng tăng lên trong cơ cấu GRDP.

**Cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) giai đoạn 2016 - 2018
(Theo giá hiện hành)**

| | <i>DVT: %</i> | | | |
|------------------------------|---------------|------------|------------|------------------|
| | 2015 | 2016 | 2017 | Ước tính 2018 |
| GRDP | 100 | 100 | 100 | 100 |
| Nông, lâm nghiệp và thủy sản | 18,22 | 20,30 | 18,97 | 17,82 |
| Công nghiệp- xây dựng | 55,67 | 49,18 | 50,36 | 52,01 |
| Dịch vụ | 26,10 | 30,52 | 30,67 | 30,17 |



2. Tập trung thực hiện các nhiệm vụ đột phá, trọng tâm theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX

2.1. Về nhiệm vụ đột phá phát triển công nghiệp

Tỉnh ủy đã tổng kết Nghị quyết của Tỉnh ủy khóa XVIII và ban hành Kết luận về đẩy mạnh phát triển công nghiệp giai đoạn 2016 - 2020; sau 02 năm thực hiện Kết luận, Tỉnh ủy đã sơ kết và tiếp tục có Kết luận bổ sung chủ trương, giải pháp đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ này trong thời gian tới. Tiếp tục hoàn thiện hạ tầng Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp; tăng cường

thu hút đầu tư; hỗ trợ giải quyết khó khăn, vướng mắc về sản xuất, kinh doanh, về bồi thường, giải phóng mặt bằng, tạo điều kiện thuận lợi để các dự án triển khai thực hiện... Nhờ đó, giá trị sản xuất công nghiệp năm 2018 ước đạt 114.106 tỷ đồng, tăng 7.333 tỷ đồng so với năm 2015, bình quân 03 năm tăng 2,24% (*chỉ tiêu Nghị quyết tăng từ 2 - 3%/năm*); nếu không tính sản phẩm từ dầu thì giá trị công nghiệp tăng bình quân 10,41%/năm (*chỉ tiêu Nghị quyết tăng 14% - 15%/năm*). Tỷ trọng lao động công nghiệp - xây dựng năm 2018 chiếm 31%, tăng 5% so với cuối năm 2015 (*chỉ tiêu Nghị quyết 32%*).

Công nghiệp lọc hóa dầu tiếp tục đóng góp lớn vào tăng trưởng và thu ngân sách; Thủ tướng Chính phủ đã thống nhất chủ trương thực hiện Quy hoạch Trung tâm lọc hóa dầu và năng lượng quốc gia tại Khu Kinh tế Dung Quất. Các sản phẩm của Doosan mở rộng thêm thị trường xuất khẩu ở Trung Đông, Ấn Độ, Mỹ, Canada, Úc... Khu liên hợp gang thép Hòa Phát Dung Quất (*tổng mức đầu tư 60.000 tỷ đồng*) đã cơ bản hoàn thành nhà máy cán thép, tuyển dụng và đào tạo cho hơn 3.000 lao động, dự kiến sẽ cho ra sản phẩm cán thép dài vào quý I/2019. Công nghiệp chế biến đường RS, bánh kẹo, nước khoáng, tinh bột mỳ, đồ gỗ, nguyên liệu giấy, thủy sản phát triển mạnh nhờ khai thác tốt lợi thế nguồn nguyên liệu tại chỗ. Công nghiệp hỗ trợ ngành cơ khí, dệt may, điện - điện tử từng bước hình thành, trong đó sản phẩm hỗ trợ ngành dệt may tương đối phát triển².

Trong 03 năm, KKT Dung Quất và các Khu công nghiệp tỉnh đã thu hút được 99 dự án, trong đó 26 dự án FDI, vốn đăng ký 587,52 triệu USD; 73 dự án trong nước, vốn đăng ký 69.698 tỷ đồng³. Thành lập 02 cụm công nghiệp mới với diện tích 45 ha; đầu tư, mở rộng 04 cụm công nghiệp; đến nay, các cụm công nghiệp đã thu hút đầu tư được 124 dự án với tổng vốn đăng ký khoảng 2.326 tỷ đồng; có 78 dự án đã đi vào hoạt động, giải quyết việc làm cho khoảng 3.350 lao động.

2.2. Về nhiệm vụ trọng tâm phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững ở miền núi

2.2.1. Về nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới

Tỉnh ủy đã tổng kết Nghị quyết, Kết luận của Tỉnh ủy khóa XVIII và ban hành Kết luận về phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020; sau 02 năm thực hiện Kết luận, Tỉnh ủy đã sơ kết và tiếp tục có Kết luận bổ sung chủ trương, giải pháp đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ này trong thời gian tới. Giá trị sản xuất nông nghiệp năm 2018 ước đạt 15.389 tỷ đồng, tăng 2.091 tỷ đồng so với năm 2015, bình quân 03 năm tăng 4,99% (*chỉ tiêu Nghị quyết tăng 3,5-4%/năm*); trong đó, nông nghiệp tăng 2,65%, lâm nghiệp tăng 13,23%, thủy sản tăng 6,67%.

² NM sản xuất sợi và vải của Công ty TNHH XinDaDong Textiles, vốn đầu tư 95 triệu USD; NM sản xuất vải Zigui Jisheng - WangSheng Dung Quất 10 triệu USD; NM sản xuất sợi ShengYang Dung Quất 4,8 triệu USD; và NM sản xuất phụ kiện may mặc Freetex Group 13 triệu USD.

³ Năm 2016: 8 dự án FDI, vốn đăng ký 101,95 triệu USD; 10 dự án trong nước, vốn đăng ký 2.366 tỷ đồng. Năm 2017: 7 dự án FDI, vốn đăng ký 313,8 triệu USD; 28 dự án trong nước, vốn đăng ký 61.180 tỷ đồng. Năm 2018: ước đạt 11 dự án FDI, vốn đăng ký 171,77 triệu USD; 35 dự án trong nước, vốn đăng ký 6.152 tỷ đồng.

Thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp; khuyến khích đầu tư sản xuất nông sản hữu cơ, nông sản công nghệ cao, gắn sản xuất với tiêu thụ nông sản đạt một số kết quả. Đã chỉ đạo xây dựng và ban hành một số chính sách để thúc đẩy nông nghiệp phát triển⁴. Trong 03 năm, cấp phép cho 29 dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, tổng vốn đăng ký hơn 1.897 tỷ đồng; chuyển đổi hơn 4.452 ha đất lúa kém hiệu quả sang trồng cây khác; xây dựng 274 cánh đồng lớn sản xuất lúa và mía, với diện tích hơn 4.117 ha; dồn điền đổi thửa hơn 6.026 ha, sau chuyển đổi, dồn điền đổi thửa, sản lượng, năng suất và hiệu quả kinh tế tăng lên rõ rệt.

Chăn nuôi cơ bản ổn định; đàn trâu tăng, đàn bò ổn định⁵, đàn lợn giảm (khoảng 2%) so với năm 2015. Diện tích rừng tăng hơn 36.600 ha so với năm 2015, nâng độ che phủ rừng lên 51,7% (*chỉ tiêu Nghị quyết 52%*).

Đã chỉ đạo tập trung nguồn lực cho chương trình xây dựng nông thôn mới; trong 03 năm, tổng vốn đầu tư cho nông thôn mới khoảng 6.128 tỷ đồng⁶, đưa 50 xã đạt chuẩn nông thôn mới (*lũy kế đến nay toàn tỉnh có 61 xã và 01 huyện đạt chuẩn nông thôn mới*), bình quân toàn tỉnh đạt 12,58 tiêu chí/xã (*chỉ tiêu đến năm 2020 có 98 xã, 06 huyện, thành phố đạt chuẩn*).

2.2.2. Về phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững ở 6 huyện miền núi

Tỉnh ủy đã tổng kết Nghị quyết của Tỉnh ủy khóa XVIII và ban hành Kết luận về đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững ở 6 huyện miền núi giai đoạn 2016 – 2020; sau 02 năm thực hiện Kết luận, Tỉnh ủy đã sơ kết và tiếp tục có Kết luận bổ sung chủ trương, giải pháp đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ này trong thời gian tới. Đã chỉ đạo tập trung các nguồn vốn cho phát triển sản xuất, giải quyết việc làm, nâng cao dân trí; rà soát việc giao đất, giao rừng cho dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số; xây dựng một số mô hình sản xuất⁷; đưa một số mặt hàng đặc sản, đặc trưng của các huyện miền núi vào các hệ thống siêu thị, trung tâm phân phối trong và ngoài tỉnh⁸. Đã chỉ đạo xây dựng và thực hiện thí điểm chính sách khuyến khích hộ nghèo tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị để tăng thu nhập và vươn lên thoát nghèo bền vững tại 02 huyện Tây Trà và Sơn Tây; chính sách hỗ trợ học phí cho sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số⁹... Nhờ đó, kinh tế, văn hóa, xã hội

⁴ Chính sách hỗ trợ trồng cây gỗ quý, cây trồng mới có giá trị kinh tế cao; chính sách hỗ trợ đầu tư trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn; chính sách khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; chính sách hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác xã; chính sách hỗ trợ khuyến khích dồn điền, đổi thửa...

⁵ Tỷ lệ bò lai tăng.

⁶ Trong đó: Vốn TW: 546.180 triệu đồng, gồm: Vốn sự nghiệp: 128.500 triệu đồng, Vốn đầu tư phát triển: 319.680 triệu đồng, Vốn TPCP: 98.000 triệu đồng; Vốn địa phương: 1.072.782 triệu đồng, gồm: NS tỉnh: 622.321 triệu đồng, NS huyện, xã: 450.461 triệu đồng; Vốn lồng ghép: 1.799.104 triệu đồng; Vốn tín dụng: 2.249.869 triệu đồng; Vốn doanh nghiệp: 124.783 triệu đồng; Đóng góp của người dân: 335.466 triệu đồng.

⁷ Trồng thử nghiệm cây sa nhân tại Sơn Hà; cây thanh long ruột đỏ ở Trà Bồng; nuôi dê ở Sơn Tây, Tây Trà; trồng thử nghiệm cây mắc ca, cây măng tây, nuôi cá tầm ở Sơn Tây...

⁸ 08 mặt hàng của Sơn Hà (*Rượu sâm Cau, gà Kiến, rượu Cắn, Rau rừng (rau Dớn, chuối rừng, rau Ngót rừng, rau Ranh), ớt Xiêm (ớt tươi, ớt muối), dầu Phộng*); 05 mặt hàng của Ba Tơ (*rượu Cắn, Mật ong rừng, Tiều Ba Lễ, thịt Trâu khô, gà H'Re*); Quế Trà Bồng.

⁹ Đến nay đã có 145 sinh viên đại học là người dân tộc thiểu số được hưởng chính sách này.

các huyện miền núi có tiến bộ đáng kể; giảm được 8.325 hộ nghèo, bình quân 03 năm giảm 5,08%/năm (*chỉ tiêu Nghị quyết bình quân giảm 4%/năm*); có 01 huyện thoát nghèo theo Nghị quyết 30a của Chính phủ; khối đại đoàn kết toàn dân được củng cố; an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm.

2.3. Về nhiệm vụ trọng tâm phát triển dịch vụ, du lịch và kinh tế biển, đảo

2.3.1. Về phát triển dịch vụ, du lịch

Tỉnh ủy đã tổng kết Nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy khóa XVIII, ban hành Nghị quyết về phát triển dịch vụ, du lịch; sau 02 năm thực hiện Nghị quyết, Tỉnh ủy đã sơ kết và tiếp tục có Kết luận bổ sung chủ trương, giải pháp đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ này trong thời gian tới. Giá trị sản xuất các ngành dịch vụ năm 2018 ước đạt 23.918 tỷ đồng, tăng 5.386 tỷ đồng so với năm 2015, bình quân 03 năm tăng 8,88%/năm (*chỉ tiêu Nghị quyết tăng bình quân 12%/năm*); tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2018 ước đạt 51.018 tỷ đồng¹⁰, tăng bình quân 11,5%/năm (*chỉ tiêu Nghị quyết đến năm 2020 đạt 70.000 tỷ đồng*); tỷ lệ lao động dịch vụ năm 2018 chiếm 27% (*chỉ tiêu Nghị quyết chiếm 28%*).

Dịch vụ bán lẻ ngày càng đa dạng và phong phú; hệ thống chợ và các siêu thị, trung tâm thương mại được đầu tư, phát triển. Hoạt động vận tải có chuyển biến tích cực cả về số lượng và chất lượng, đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân; lượng khách tăng bình quân 12,85%/năm, lượng hàng hóa vận chuyển tăng bình quân 10,98%/năm, doanh thu vận tải tăng bình quân 17,4%/năm. Mạng lưới và dịch vụ bưu chính, viễn thông, internet phát triển mạnh, kể cả nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Hệ thống ngân hàng hoạt động ổn định, hiệu quả; nguồn vốn huy động tăng 11,45%/năm; dư nợ tín dụng tăng bình quân 9,56%.

Kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân 8,0%/năm. Năm 2018, kim ngạch xuất khẩu ước đạt 540 triệu USD, tăng 37,4% so với năm 2015 (*chỉ tiêu Nghị quyết đến năm 2020 đạt 1 tỷ USD*), trong đó, kim ngạch xuất khẩu của ngành công nghiệp nặng và khoáng sản chiếm tỷ trọng lớn; ngành công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp (chủ yếu là các mặt hàng sơ sợi dệt, hàng điện tử, may mặc) chiếm tỷ trọng khá; ngành nông nghiệp chiếm tỷ trọng 16,2% (chủ yếu từ xuất khẩu tinh bột mỳ).

Việc xúc tiến, kêu gọi đầu tư lĩnh vực dịch vụ, du lịch được chú trọng, có sự chuyển biến tích cực trên một số mặt; đã chấp thuận đầu tư một số dự án dịch vụ, du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái, một số dự án tạo động lực cho sự phát triển dịch vụ, du lịch của tỉnh như Khu du lịch Bãi Dừa, Suối nước nóng Nghĩa Thuận, Khu thương mại và nhà phố Shophouse Quảng Ngãi, các dự án du lịch, dịch vụ chất lượng cao tại Khu đô thị Vạn Tường và vùng phụ cận... Lượng khách du lịch đến tỉnh ngày càng tăng (*năm 2016 tăng 12%; năm 2017 tăng 12%; năm 2018 tăng 23%*), năm 2018 ước đạt 1 triệu lượt khách; doanh thu du lịch tăng bình quân 13,5%/năm.

¹⁰ Theo giá hiện hành.

2.3.2. Về phát triển kinh tế biển, đảo

Tỉnh ủy đã tổng kết Nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy khóa XVIII và ban hành Nghị quyết về phát triển kinh tế biển, đảo giai đoạn 2016 – 2020; sau 02 năm thực hiện Nghị quyết, Tỉnh ủy đã sơ kết và tiếp tục có Kết luận bổ sung chủ trương, giải pháp đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ này trong thời gian tới. Trong 03 năm qua, kinh tế biển, đảo tiếp tục phát triển và chiếm tỷ trọng lớn trong nền kinh tế của tỉnh (trên 80%, tính cả Khu kinh tế Dung Quất); diện mạo nông thôn và đô thị ven biển khởi sắc, đời sống dân cư được cải thiện; chú trọng gắn kết phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội, bảo vệ môi trường, đảm bảo quốc phòng - an ninh. Lực lượng tàu thuyền và sản lượng khai thác thủy sản tăng; du lịch, dịch vụ có bước khởi sắc, kinh tế huyện đảo Lý Sơn tăng trưởng khá. Hạ tầng vùng biển, đảo và hạ tầng kết nối được chú trọng đầu tư, nhất là hạ tầng trong khu kinh tế, các khu đô thị, trên đảo Lý Sơn; hệ thống cảng biển, giao thông, hạ tầng nghề cá, du lịch và hạ tầng xã hội... từng bước được đầu tư nâng cấp, mở rộng. Hoạt động thông tin, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về biển, đảo được đẩy mạnh. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, công tác phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn được chú trọng. Hệ thống chính quyền cơ sở được củng cố; quốc phòng, an ninh trên biển được tăng cường; đời sống nhân dân vùng biển, đảo được cải thiện đáng kể, an sinh xã hội cơ bản bảo đảm.

2.4. Về nhiệm vụ đột phá phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông và hạ tầng đô thị

Tỉnh ủy đã tổng kết Nghị quyết, Chương trình hành động của Tỉnh ủy khóa XVIII và ban hành Nghị quyết về đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông và hạ tầng đô thị; sau 02 năm thực hiện Nghị quyết, Tỉnh ủy đã sơ kết và tiếp tục có Kết luận bổ sung chủ trương, giải pháp đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ này trong thời gian tới. Cùng với việc chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ các dự án, công trình đang xây dựng, đã chú trọng chỉ đạo huy động các nguồn lực, nhất là nguồn lực từ đất đai và hợp tác công tư để đầu tư, nâng cấp kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị, ưu tiên cho các đô thị trung tâm, đô thị vùng. Trong 03 năm, ngân sách tỉnh bố trí 11.202,9 tỷ đồng đầu tư đưa vào sử dụng 140 công trình, dự án, trong đó có một số dự án lớn như: Bệnh viện Sản – Nhi, Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh giai đoạn 1, Cầu Trà Bồng, Cầu Thạch Bích, Cảng Bến Đình...; đồng thời tích cực phối hợp với các bộ, ngành Trung ương đầu tư hoàn thành, đưa vào sử dụng đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi, nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1A,... Cấp phép đầu tư cho hơn 63 dự án đầu tư khu đô thị, khu dân cư, với tổng vốn đăng ký hơn 11.447 tỷ đồng; tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đạt 20,38% (*chỉ tiêu Nghị quyết đến năm 2020 đạt 23%*); đến nay, đã hình thành nhiều khu dân cư mới khang trang góp phần phát triển đô thị như: Khu đô thị - dịch vụ VSIP, Ngọc Bảo Viên, Bắc Lê Lợi, An Phú Sinh...

2.5. Về nhiệm vụ đột phá nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Tỉnh ủy đã tổng kết Nghị quyết của Tỉnh ủy khóa XVIII và ban hành Kết luận nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực trong hệ thống chính trị và phục vụ sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016 – 2020; sau 02 năm

thực hiện Nghị quyết, Tỉnh ủy đã sơ kết và tiếp tục có Kết luận bổ sung chủ trương, giải pháp đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ này trong thời gian tới. Ban hành các quy định, chính sách về công tác cán bộ, về tuyển chọn, thu hút, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm¹¹. Đã xét, chọn được 04 học sinh cử đi đào tạo trình độ đại học tại Úc¹²; thu hút 23 bác sĩ, 01 tiến sĩ, 04 thạc sĩ và đại học loại giỏi về công tác tại tỉnh¹³; cử 04 bác sĩ đi đào tạo chuyên sâu; mở 33 lớp đào tạo cho 1.837 lượt học viên về khởi sự doanh nghiệp, quản trị doanh nghiệp; số học sinh, sinh viên có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh là 12.335 người (đạt 90%), với mức lương trung bình từ 3,5 - 5,5 triệu đồng/tháng. Tổ chức 02 lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho 532 cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh; bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho 11.843 lượt cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã; cử 04 cán bộ tham dự bồi dưỡng cập nhật kiến thức dành cho Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng và đối tượng 02; 33 cán bộ đi bồi dưỡng ngắn hạn, trung hạn theo Đề án 165; 08 đồng chí bí thư, phó bí thư cấp ủy cấp huyện, 16 đồng chí phó các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy bồi dưỡng ở Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; cử 12 cán bộ diện BTVTU quản lý khối Nhà nước đi bồi dưỡng kiến thức năng lực lãnh đạo, quản lý cấp sở, cấp huyện; 185 đồng chí đi bồi dưỡng nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát, công tác tổ chức xây dựng Đảng; cử 6.178 lượt cán bộ, công chức, viên chức ngành y tế tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ; bồi dưỡng, tập huấn thường xuyên cho hơn 2.300 lượt cán bộ quản lý, giáo viên các cấp; cử 419 đồng chí đi học cao cấp lý luận chính trị; phối hợp với Học viện Chính trị khu vực III Đà Nẵng mở 03 lớp Cao cấp Lý luận chính trị tại tỉnh với 270 học viên...

2.6. Về nhiệm vụ trọng tâm cải cách hành chính, nhất là thủ tục hành chính

Tỉnh ủy đã tổng kết Kết luận của Tỉnh ủy khóa XVIII và ban hành Nghị quyết về cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2016 – 2020; sau 02 năm thực hiện Nghị quyết, Tỉnh ủy đã sơ kết và tiếp tục có Kết luận bổ sung chủ trương, giải pháp đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ này trong thời gian tới. Chỉ đạo UBND tỉnh ban hành Đề án, kế hoạch cải cách thủ tục hành chính; thành lập Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh¹⁴ và Trung tâm hành chính công thành phố Quảng Ngãi, huyện Sơn Hà, Đức Phổ; công bố

¹¹ Quy định về luân chuyển, điều động cán bộ lãnh đạo, quản lý và cán bộ trẻ; chính sách tuyển chọn học sinh, sinh viên cử đi đào tạo trong và ngoài nước; Chính sách thu hút, ưu đãi nguồn nhân lực chất lượng cao đến công tác, làm việc tại tỉnh; Chính sách hỗ trợ sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số của tỉnh; Chính sách hỗ trợ cho bác sĩ được chọn, cử đi bồi dưỡng chuyên sâu về chuyên môn và quản lý bệnh viện trong và ngoài nước...; Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm (theo hướng nguồn lực nhà nước hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp để doanh nghiệp chủ động đào tạo gắn với sử dụng lao động sau đào tạo).

¹² Tuy nhiên, chính sách đã dừng thực hiện, do vướng mắc về cơ chế tuyển dụng vào công chức, viên chức sau khi tốt nghiệp.

¹³ Năm 2018, dừng việc tuyển dụng theo chính sách thu hút của tỉnh vì không còn phù hợp với Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ.

¹⁴ Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh đi vào hoạt động đã tiếp nhận 9.789 hồ sơ, giải quyết 8.868 hồ sơ, tỷ lệ hồ sơ trả kết quả giải quyết đúng hạn trung bình đạt 95,5%; tiếp nhận 300 hồ sơ, giải quyết và trả kết quả 272 hồ sơ TTHC liên thông thuộc thẩm quyền quyết định UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh; tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết gần 840 TTHC của 08 sở (KH và ĐT; Xây dựng; Y tế; Tư pháp; TN và MT; NN và PTNT; VH - TT và DL; TT và TT).

chuẩn hóa lại TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết và quản lý của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã¹⁵; phê duyệt Danh mục TTHC rút ngắn thời gian giải quyết từ 30 – 60% so với quy định pháp luật đối với 195 TTHC thuộc 16 lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của 06 cơ quan, đơn vị¹⁶; có 13/14 huyện, thành phố và 182/184 xã, phường, thị trấn thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông, cơ chế một cửa theo hướng hiện đại¹⁷; chỉ đạo đẩy mạnh cải cách thủ tục và kiểm soát thủ tục hành chính hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức trong thực hiện chức trách nhiệm vụ; đa dạng hóa hoạt động xúc tiến đầu tư; hỗ trợ, đồng hành, tháo gỡ các khó khăn cho doanh nghiệp; khuyến khích khởi nghiệp.

3. Đã triển khai quyết liệt nhiều biện pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh; xúc tiến đầu tư; phát triển doanh nghiệp. Lãnh đạo tỉnh dành thời gian đi kiểm tra và thông qua các cuộc tiếp xúc, đối thoại, qua hình thức “cà phê doanh nhân” định kỳ gặp gỡ, kịp thời nắm bắt, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. Chỉ đạo rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư, kinh doanh; thúc đẩy phát triển doanh nghiệp; tổ chức các hoạt động khởi sự doanh nghiệp, ươm mầm khởi nghiệp và nhiều chương trình, hội nghị xúc tiến, thu hút đầu tư trong và ngoài nước. Trong 03 năm, đã cấp phép đầu tư cho hơn 273 dự án trong nước, vốn đăng ký 95.011 tỷ đồng và 28 dự án FDI, với tổng vốn đăng ký 595 triệu USD; trong đó có một số dự án lớn dự kiến khi đi vào hoạt động sẽ tạo sự lan tỏa, thúc đẩy tăng trưởng, giảm phụ thuộc vào Nhà máy lọc dầu Dung Quất.

4. Công tác đối ngoại được tăng cường, nhất là các mối quan hệ hữu nghị truyền thống, đồng thời mở rộng quan hệ với nhiều đối tác mới; huy động các nguồn lực đầu tư, quản lý đầu tư công, quản lý, điều hành nhiệm vụ tài chính, ngân sách nhà nước đạt kết quả tích cực. Chỉ đạo tập trung chấn chỉnh, khắc phục các hạn chế, yếu kém trong quản lý đầu tư công; thực hiện cơ cấu lại đầu tư công, huy động các nguồn lực, nhất là nguồn lực từ đất đai và hợp tác công tư cho đầu tư phát triển; phân bổ và sử dụng các nguồn lực chặt chẽ, công khai, minh bạch, theo cơ chế thị trường, có trọng tâm, trọng điểm. Chỉ đạo quản lý, điều hành tài chính, ngân sách nhà nước tiết kiệm, hiệu quả; đổi mới việc giao dự toán cho các đơn vị sự nghiệp công. Trong 03 năm qua, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước đạt 53.281 tỷ đồng, bình quân tăng 12%/năm (*chỉ tiêu Nghị quyết vượt chỉ tiêu thu ngân sách Trung ương giao hàng năm*); huy động vốn đầu tư toàn xã hội hơn 68.068 tỷ đồng (*chỉ tiêu trong*

¹⁵ Công bố 1.867 TTHC.

¹⁶ 06 sở: Thông tin và Truyền thông, Công thương, Xây dựng, Y tế, NN và PTNT, GTVT (Báo chí và truyền hình, xuất bản và hoạt động in, thông tin điện tử, bưu chính, chuyên phát, điện, xúc tiến thương mại, xây dựng, dược phẩm, nông nghiệp và nông thôn, đường bộ, đường thủy nội địa, thẩm định dự án, thiết kế dự toán liên quan đến giao thông, an toàn thực phẩm, vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ, kinh doanh khí).

¹⁷ Hiện đã có 09/14 địa phương được UBND tỉnh phê duyệt Đề án thực hiện cơ chế một cửa theo hướng hiện đại, trong đó: 08 địa phương đã chính thức đi vào hoạt động (*UBND thành phố, UBND các huyện: Sơn Hà, Đức Phổ, Mộ Đức, Tư Nghĩa, Trà Bồng, Bình Sơn, Ba Tơ; Sở kế hoạch và Đầu tư, Sở Công thương*); UBND huyện Nghĩa Hành đang trong giai đoạn đầu tư, hoàn thiện. Xã Trà Quân, Trà Lĩnh huyện Tây Trà chưa thực hiện cơ chế một cửa.

5 năm huy động ít nhất 90.000 tỷ đồng); tỷ lệ vốn đầu tư so với tổng sản phẩm trong tỉnh qua các năm chiếm tỷ lệ tương đối cao và có chiều hướng gia tăng¹⁸, đến năm 2018, tỷ lệ này ước đạt 39,66%, cho thấy tăng trưởng của tỉnh phụ thuộc tương đối lớn vào vốn đầu tư; tính chung 03 năm, tỷ lệ vốn đầu tư so với GRDP đạt 34,61%.

5. Quản lý, khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên ngày càng chặt chẽ hơn; công tác quản lý, bảo vệ môi trường được tăng cường. Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Quảng Ngãi. Đã xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính và luôn cập nhật, chỉnh lý biến động để đảm bảo tính chính xác phục vụ công tác quản lý, tra cứu thông tin đất đai. Đẩy mạnh cấp quyền khai thác khoáng sản thông qua đấu giá. Tăng cường quản lý đất công ích và các loại đất nông nghiệp do UBND xã quản lý, sử dụng.

Công tác quản lý nhà nước, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về môi trường được tăng cường. Đẩy mạnh xã hội hóa việc thu gom, xử lý rác thải trên địa bàn tỉnh¹⁹. Đến cuối năm 2018, có 88% dân cư đô thị dùng nước sạch (chỉ tiêu Nghị quyết đến năm 2020 đạt 89%); 91% dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh (chỉ tiêu Nghị quyết đến năm 2020 đạt 95%); 50% chất thải nguy hại và 80% chất thải y tế được xử lý đạt chuẩn (chỉ tiêu Nghị quyết đến năm 2020 lần lượt là 60% và 85%); xử lý ô nhiễm môi trường 03 kho thuốc bảo vệ thực vật. Triển khai đầu tư hạ tầng hệ thống tiếp nhận số liệu quan trắc môi trường tự động, liên tục để tiếp nhận số liệu từ các trạm quan trắc nước thải, khí thải của các nhà máy có lưu lượng xả thải lớn.

6. Văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ, an sinh xã hội được bảo đảm.

6.1. Thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; phổ cập giáo dục có chuyển biến tích cực; đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục từng bước được chuẩn hóa về chuyên môn; hệ thống trường, lớp, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tiếp tục được quan tâm đầu tư xây dựng; phương thức đào tạo được mở rộng, đa dạng; chất lượng giáo dục các cấp học được nâng lên; xã hội hoá giáo dục - đào tạo đạt một số kết quả quan trọng; các hoạt động khuyến học, khuyến tài đạt hiệu quả thiết thực. Đến năm 2018, có 81/214 trường mầm non (tỷ lệ 38,32%), 150/215 trường Tiểu học (tỷ lệ 69,77%), 118/167 trường THCS (tỷ lệ 70,66%), 21/38 trường THPT (tỷ lệ 55,27%) đạt chuẩn quốc gia (chỉ tiêu Nghị quyết lần lượt là 35%; 70%; 75% và 60%); duy trì phổ cập tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập trung học cơ sở; hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, đạt chỉ tiêu Nghị quyết.

6.2. Chất lượng khám, chữa bệnh, tinh thần thái độ phục vụ đối với bệnh nhân có chuyển biến; quản lý hành nghề y dược tư nhân; thanh tra, kiểm tra vệ

¹⁸ Năm 2015 đạt 25,63%; năm 2016 đạt 29,25%; năm 2017 đạt 33,62%.

¹⁹ Một số địa phương thực hiện dịch vụ môi trường đối với chất thải rắn theo hình thức xã hội hóa như: Công ty TNHH Thương mại - Xây dựng Đa Lộc tổ chức thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải tại huyện Lý Sơn; Công ty CP Cơ - Điện - Môi trường Lilama tổ chức thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải tại huyện Bình Sơn, Công ty TNHH TM và CNMT MD đưa nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt Đức Phổ vào hoạt động...

sinh an toàn thực phẩm được quan tâm; cơ sở vật chất ngành y tế được đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, sửa chữa; trang thiết bị y tế được tăng cường; nguồn nhân lực y tế chất lượng cao được chú trọng đào tạo; thực hiện cơ chế, chính sách thu hút, đãi ngộ đội ngũ bác sĩ, dược sĩ; xã hội hóa y tế đạt được một số kết quả. Đến nay, số giường bệnh/vạn dân đạt 27,3 giường, vượt chỉ tiêu Nghị quyết (*chỉ tiêu đến 2020 đạt 24 giường*); đạt 6,52 bác sĩ/vạn dân (*chỉ tiêu đến 2020 đạt 07 bác sĩ/vạn dân*); tuổi thọ trung bình 74 tuổi (*chỉ tiêu đến năm 2020 đạt 75 tuổi*); tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 89% (*chỉ tiêu đến 2020 đạt 85%*); 83,7% xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế; trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm còn 14,5%.

6.3. *Tỉnh ủy ban hành và thực hiện Nghị quyết về phát triển văn hóa, xây dựng con người Quảng Ngãi đáp ứng yêu cầu đổi mới, hội nhập và phát triển bền vững*; sau 02 năm thực hiện Nghị quyết, Tỉnh ủy đã sơ kết và tiếp tục có Kết luận bổ sung chủ trương, giải pháp đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ này trong thời gian tới. Hoạt động văn hóa, văn nghệ quần chúng phát triển đều khắp ở các địa phương; tổ chức tốt các ngày lễ, sự kiện văn hóa; thiết chế văn hóa tiếp tục được đầu tư; phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá có bước chuyển biến tích cực; văn học, nghệ thuật có bước phát triển, đã ban hành và thực hiện Đề án giải thưởng văn học, nghệ thuật Phạm Văn Đồng; các di tích lịch sử, văn hóa, bản sắc văn hóa truyền thống được bảo tồn, phát huy... Năm 2018, có 85% gia đình, 85% thôn, tổ dân phố, 91% cơ quan, đơn vị, trường học đạt danh hiệu văn hóa (*chỉ tiêu Nghị quyết đến năm 2020 lần lượt là 88%; 78% và 96%*); đang tiến hành lập hồ sơ đề nghị công nhận Công viên địa chất toàn cầu khu vực Lý Sơn, Bình Châu và vùng phụ cận... Phong trào thể dục, thể thao quần chúng phát triển rộng khắp; phối hợp tổ chức thành công nhiều giải thể thao khu vực và toàn quốc; một số vận động viên của tỉnh đạt thành tích cao tại các giải quốc gia và quốc tế.

6.4. *Nghiên cứu và ứng dụng khoa học đạt một số kết quả*; trong 03 năm, đã nghiệm thu, chuyển giao 40 nhiệm vụ khoa học và công nghệ; hỗ trợ doanh nghiệp bảo vệ thương hiệu; khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới thiết bị, công nghệ, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm²⁰; xây dựng chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm quý của huyện Trà Bồng và Tây Trà; xây dựng kế hoạch hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo giai đoạn 2018 - 2020...

6.5. *Các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin, truyền thông* đã bám sát chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước để tuyên truyền; công tác an toàn, an ninh thông tin được tăng cường; đã cung cấp 100% dịch vụ hành chính công mức độ 2; có 30 dịch vụ công thuộc lĩnh vực xây dựng, 17 dịch vụ công thuộc lĩnh vực giao thông vận tải, 09 dịch vụ công thuộc lĩnh vực công thương, 07 dịch vụ công cấp huyện và 07 nhóm dịch vụ công trong

²⁰ Hướng dẫn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp: đã hướng dẫn thực hiện cho 80 doanh nghiệp thực hiện các thủ tục đăng ký bảo hộ, chuyển nhượng, gia hạn, sửa đổi văn bằng SHCN. Có 148 đơn đăng ký bảo hộ nộp ra Cục SHTT, 108 Văn bằng SHCN được cấp; hỗ trợ cho 05 dự án đổi mới thiết bị, công nghệ trong sản xuất kinh doanh tham gia Chương trình hỗ trợ đổi mới thiết bị, công nghệ tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 – 2020; có 24 lượt doanh nghiệp được hỗ trợ đăng ký bảo hộ nhãn hiệu; 08 lượt doanh nghiệp được hỗ trợ trưng bày, quảng bá sản phẩm tại hội nghị, hội chợ.

các lĩnh vực khác đã thực hiện trực tuyến mức độ 3...

6.6. Thực hiện tốt các chính sách xã hội, bảo đảm an sinh xã hội. Giải quyết việc làm đạt kết quả khá; tỷ lệ lao động trong ngành công nghiệp, dịch vụ tăng, tỷ lệ lao động trong ngành nông nghiệp giảm²¹; giải quyết việc làm mới cho khoảng 39.500 lao động/năm; xuất khẩu lao động bình quân 1.700 lao động/năm²². Nội dung, phương thức đào tạo nghề có đổi mới, chương trình đào tạo nghề có sự tham gia của doanh nghiệp, cơ quan sử dụng lao động. Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề năm 2018 ước đạt 51% (*chỉ tiêu Nghị quyết đến 2020 đạt 55%*).

Các chính sách giảm nghèo được thực hiện kịp thời; ban hành và thực hiện thí điểm chính sách khuyến khích hộ nghèo tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị để tăng thu nhập và vươn lên thoát nghèo bền vững trên địa bàn 02 huyện Sơn Tây và Tây Trà. Trong 3 năm, toàn tỉnh giảm được 18.205 hộ nghèo, bình quân giảm 1,87%/năm (*chỉ tiêu Nghị quyết giảm bình quân 2%/năm*).

Hoạt động đền ơn, đáp nghĩa, chăm lo cho đối tượng có công cách mạng, gia đình liệt sỹ được quan tâm. Cơ bản giải quyết xong hồ sơ đề nghị xác nhận, công nhận liệt sỹ, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh còn tồn đọng; các đối tượng chính sách, người cao tuổi, đồng bào nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được quan tâm chăm lo²³.

II. Về xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể

1. Quán triệt, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX và các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương

Tổ chức quán triệt và chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương sát với tình hình thực tế; tạo nhận thức thống nhất trong cán bộ, đảng viên, nhất là những vấn đề mới. Ngay trong năm 2016, Tỉnh ủy đã ban hành 04 Kết luận và 05 Nghị quyết chuyên đề cụ thể hóa thực hiện 03 nhiệm vụ đột phá, 03 nhiệm vụ trọng tâm đề ra trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX²⁴. Chỉ đạo các cơ

²¹ Tỷ lệ lao động trong các ngành Công nghiệp - Xây dựng tăng từ 29% năm 2016 tăng lên 31% trong năm 2018; nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm từ 45% năm 2016 còn 42% trong năm 2018.

²² Năm 2016, xuất khẩu 1.600 lao động; 2017 là 1.742 lao động và dự kiến năm 2018 đạt 1.800 lao động.

²³ Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh vận động và trợ giúp: Hỗ trợ 05 khu vui chơi cho 05 trường Mầm non bán trú tại các huyện với kinh phí 400.000.000 đồng; tổ chức trao 1.051 suất quà cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; tổ chức khám sàng lọc, chỉ định phẫu thuật và cấp sữa cho hơn 1.200 em; chỉ định phẫu thuật 68 em và hỗ trợ kinh phí phẫu thuật 25 em, với tổng kinh phí trên 1,3 tỷ đồng; tổ chức khám cho trên 800 em bị các bệnh về mắt, chỉ định phẫu thuật cho 260 em và phẫu thuật 100 em, với tổng kinh phí trên 900.000.000 đồng; Chương trình Hành trình cuộc sống đã trao tặng cho 80 em học sinh có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong cuộc sống...

²⁴ Nghị quyết 01-NQ/TU ngày 01/7/2016 về đẩy mạnh phát triển kinh tế biển, đảo tỉnh Quảng Ngãi; Nghị quyết 02-NQ/TU ngày 01/7/2016 về đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị; Nghị quyết 03-NQ/TU ngày 19/10/2016 về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ngãi đáp ứng yêu cầu đổi mới, hội nhập và phát triển bền vững; Nghị quyết 04-NQ/TU ngày 19/10/2016 về phát triển dịch vụ, du lịch tỉnh Quảng Ngãi; Nghị quyết 05-NQ/TU ngày 05/12/2016 về cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi; Kết luận 17-KL/TU ngày 19/4/2016 về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực trong hệ thống chính trị và phục vụ sản xuất kinh doanh; Kết luận 18-KL/TU ngày 19/4/2016 về đẩy mạnh phát triển công nghiệp; Kết luận 30-KL/TU ngày 26/4/2016 về phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới; Kết luận 31-KL/TU ngày 27/4/2016 về đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững ở 06 huyện miền núi của tỉnh.

quan chức năng rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành các cơ chế, chính sách để cụ thể hóa chủ trương của Đảng và tổ chức thực hiện kịp thời, hiệu quả.

2. Công tác chính trị, tư tưởng được tăng cường

Coi trọng giáo dục, tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; nâng cao phẩm chất đạo đức, lối sống, kỷ luật, kỷ cương, chống các hành vi quan liêu, nhũng nhiễu, thiếu trách nhiệm, cửa quyền, hách dịch với nhân dân trong đội ngũ cán bộ, đảng viên. Tăng cường định hướng dư luận và đấu tranh chống chiến lược "diễn biến hòa bình", luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch. Tổ chức quán triệt, triển khai sâu rộng Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX²⁵; Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, các Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 (khóa XII); Chỉ thị 05 của Bộ Chính trị về học tập và làm theo tấm gương, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Tổ chức nhiều hoạt động kỷ niệm các sự kiện lịch sử, chính trị quan trọng của đất nước, của tỉnh. Hoàn chỉnh việc chỉnh biên tập sách "*Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi 1930 – 1975*"; "*Đội Du kích Ba Tư - Kỷ yếu và biên niên sự kiện*".

Nghiêm túc thực hiện và chỉ đạo thực hiện học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh²⁶; tổ chức thành công 02 Hội thảo khoa học cấp Quốc gia "*Xây dựng Đảng về đạo đức trong giai đoạn hiện nay*", "*Đồng chí Trương Quang Trọng - người chiến sĩ cộng sản kiên cường của quê hương Núi Ấn – Sông Trà*"; 02 Hội nghị biểu dương, khen thưởng "*Những tấm gương bình dị mà cao quý*" trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh²⁷... tạo hiệu ứng lan tỏa tốt về học tập và làm theo Bác.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã nghiêm túc kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của tập thể, cá nhân về thực hiện nhiệm vụ chính trị hàng năm và nhận diện những biểu hiện suy thoái theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII²⁸; với tinh thần nghiêm túc, thẳng thắn, cởi mở, chỉ rõ ưu điểm, khuyết điểm và nguyên nhân, qua đó chia sẻ và thấu hiểu nhau hơn; nhận thức đầy đủ, sâu sắc hơn về những biểu hiện của sự suy thoái; thể hiện rõ quyết tâm khắc phục những hạn chế, khuyết điểm; cam kết đổi mới tác phong, lề lối, phương pháp làm việc, điều hành, nêu gương, tạo sự đoàn kết, thống nhất trong Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Thường trực Tỉnh ủy.

²⁵ Về học tập, quán triệt NQĐH Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX: toàn tỉnh mở 512 lớp, có 78.187 người học, đạt tỷ lệ 94,17%, trong đó có 45.079 đảng viên, 33.187 quần chúng.

²⁶ Tổ chức 5 đợt sinh hoạt chuyên đề: Đợt sinh hoạt nhân kỷ niệm 87 năm Ngày thành lập Đảng với chủ đề "Thực hành phong cách làm việc Hồ Chí Minh"; đợt sinh hoạt nhân kỷ niệm 127 năm Ngày sinh nhật Bác với chủ đề "Xây dựng Đảng về đạo đức"; đợt sinh hoạt nhân kỷ niệm 70 năm Ngày thương binh - liệt sĩ với chủ đề "Thương binh, liệt sĩ trong tư tưởng và tình cảm của Bác Hồ" và đợt sinh hoạt nhân kỷ niệm 72 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2/9 với chủ đề "Nhớ mãi ơn Người"; đợt sinh hoạt chuyên đề năm 2018: "*Xây dựng phong cách, tác phong công tác của người đứng đầu, của cán bộ, đảng viên*".

²⁷ **Năm 2017**: Toàn tỉnh có hơn 400 tập thể, cá nhân được biểu dương, trong đó tại Lễ biểu dương cấp tỉnh có 20 tập thể và 31 cá nhân được tôn vinh. **Năm 2018**: Toàn tỉnh có hơn 400 gương tập thể, cá nhân được biểu dương, khen thưởng các cấp. Cấp tỉnh đã xét chọn 28 tập thể và 25 cá nhân để biểu dương, khen thưởng, trong đó có 03 tập thể và 04 cá nhân được chọn báo cáo điển hình và nhận Thư khen của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy. Trong Cuộc thi viết "*Những tấm gương bình dị mà cao quý*" trên Báo Quảng Ngãi có 11 tác phẩm báo chí đạt giải (2 giải B, 3 giải C, 6 giải khuyến khích).

²⁸ Dự kiểm điểm năm 2017 có đồng chí Hoàng Trung Hải, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội và đại diện lãnh đạo các ban đảng Trung ương.

3. Công tác xây dựng, củng cố tổ chức bộ máy và cán bộ; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên đạt kết quả tốt

Rà soát, bổ sung, ban hành mới một số quy định về cán bộ và công tác cán bộ theo quy định của Trung ương và phù hợp tình hình thực tế của tỉnh²⁹. Đã xây dựng và phê duyệt Quy hoạch bổ sung cấp ủy, lãnh đạo các cấp nhiệm kỳ 2015 - 2020 và nhiệm kỳ và nhiệm kỳ 2020 - 2025³⁰. Việc nhận xét, đánh giá, điều động, luân chuyển cán bộ được thực hiện kịp thời, dân chủ, công khai, gắn điều động, luân chuyển với sắp xếp, bố trí cán bộ sau Đại hội và sau bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021. Kịp thời củng cố, kiện toàn cấp ủy, ban thường vụ, thường trực cấp ủy và cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp³¹. Thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý giữ vị trí trên 8 năm (cả cấp trưởng và cấp phó), cán bộ có biểu hiện trì trệ, bảo thủ, ngại va chạm, ý thức trách nhiệm yếu³². Ban hành *Quy định về trách nhiệm và xử lý trách nhiệm đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; tổ chức ký cam kết thực hiện Quy định; kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở việc thực hiện*.

Đã ban hành và triển khai Kế hoạch thực hiện Nghị quyết 18-NQ/TW, Nghị quyết 19-NQ/TW, Nghị quyết số 26-NQ/TW của BCHTW Đảng khóa XII về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức, về quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Đến nay, việc thực hiện sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập đạt một số kết quả, giảm được 52 đơn vị³³. Thực hiện chức danh Trưởng Ban Dân vận Tỉnh ủy đồng thời Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; trưởng ban dân vận đồng thời

²⁹ Quy chế đánh giá, phân loại cán bộ thuộc diện BTVT quản lý; Quy định về luân chuyển, điều động cán bộ lãnh đạo, quản lý và cán bộ trẻ; Kế hoạch thực hiện thí điểm bố trí, sử dụng, tuyển dụng và quản lý công chức ngành Tổ chức xây dựng Đảng cấp tỉnh, cấp huyện gắn với vị trí việc làm; Quy chế thi tuyển đề bổ nhiệm chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý diện BTVT quản lý; Chỉ thị về tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng đối với công tác tuyển dụng, quy hoạch, luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm và giới thiệu cán bộ ứng cử...

³⁰ Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã phê duyệt quy hoạch Ủy viên BCH Đảng bộ đối với 76 đồng chí, Phó Chủ tịch HĐND tỉnh 04 đồng chí, Phó Chủ tịch UBND tỉnh 06 đồng chí; thông báo quy hoạch cho 431 đồng chí ở các sở, ban, ngành cấp tỉnh (*trong đó: cấp trưởng 124 trường hợp, cấp phó 307 trường hợp*) và 725 đồng chí thuộc các chức danh ban thường vụ, bí thư, phó bí thư các cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy; chức danh chủ tịch, phó chủ tịch HĐND và UBND các huyện, thành phố nhiệm kỳ 2021 - 2026. Trung ương phê duyệt quy hoạch: Ban Thường vụ Tỉnh ủy 15 đồng chí, Bí thư Tỉnh ủy 03 đồng chí, Phó bí thư Tỉnh ủy 04 đồng chí; Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh 03 đồng chí, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh 03 đồng chí; Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh 03 đồng chí.

³¹ *Đối với cấp tỉnh: bầu bổ sung và phân công công tác đối 02 Ủy viên BTVT; chỉ định 35 trường hợp, điều động 44 trường hợp, luân chuyển 09 đồng chí, bổ nhiệm 12 trường hợp, bổ nhiệm lại 15 trường hợp, thỏa thuận bổ nhiệm, bổ nhiệm lại 38 trường hợp, giới thiệu ứng cử 64 trường hợp. Đối với cấp huyện: chỉ định và bầu bổ sung 46 ủy viên ban chấp, 31 ủy viên ban thường vụ cấp ủy huyện và tương đương; 02 phó bí thư cấp ủy huyện; 02 chủ tịch và 01 phó chủ tịch UBND, 01 chủ tịch và 04 phó chủ tịch HĐND cấp huyện; kiện toàn chức danh Bí thư, Phó Bí thư Huyện ủy Sơn Tây, 01 Phó Bí thư Đảng ủy Quân sự tỉnh; cho 01 đồng chí thôi tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ Khối các cơ quan tỉnh.*

³² Điều động 18 cán bộ lãnh đạo, quản lý (*03 cấp trưởng và 15 cấp phó*), trong đó có 09 cấp phó giữ chức vụ trên 08 năm.

³³ Đầu năm 2018, giảm 15 đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện KH số 126-KH/TU của Tỉnh ủy, giảm 37 đơn vị sự nghiệp công lập (lĩnh vực y tế giảm 20 đơn vị, giáo dục giảm 16 đơn vị, sự nghiệp khác giảm 01 đơn vị).

chủ tịch ủy ban mặt trận tổ quốc cấp huyện ở 12/14 đơn vị³⁴; trưởng ban tuyên giáo đồng thời giám đốc trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện ở 12/14 đơn vị³⁵; trưởng ban tổ chức đồng thời trưởng phòng nội vụ cấp huyện ở 06/14³⁶; chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đồng thời chánh thanh tra cấp huyện ở 03/14 đơn vị³⁷. Xây dựng kế hoạch và chỉ đạo khắc phục tình trạng thôn trưởng, tổ trưởng dân phố không phải là đảng viên ở 04/14 đơn vị³⁸. Phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị huyện Lý Sơn.

Phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức các cơ quan trong hệ thống chính trị cấp tỉnh, huyện. Quản lý biên chế ngày càng chặt chẽ hơn. Việc thi tuyển, tuyển dụng công chức, viên chức được thực hiện nghiêm túc, bảo đảm quy định, gắn với lộ trình tinh giản 10% trong tổng số biên chế được giao và bảo đảm 50% số biên chế cán bộ, công chức, viên chức đã giải quyết chế độ nghỉ hưu hoặc thôi việc; từ 2015 – 2018, toàn tỉnh đã tinh giản 1.508 người. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức từng bước được cơ cấu, chuẩn hóa theo ngạch, chức danh, nghề nghiệp, vị trí việc làm và trình độ đào tạo; chất lượng được nâng lên cả về phẩm chất, năng lực.

Chỉ đạo cơ quan, đơn vị, địa phương tự kiểm tra, rà soát việc thực hiện công tác cán bộ. Ban hành kế hoạch tổ chức lấy phiếu tín nhiệm giữa nhiệm kỳ đối với Bí thư, các phó bí thư và Ủy viên BTVTU khóa XIX. Cử hàng ngàn lượt cán bộ, công chức đi đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức quốc phòng, an ninh; thẩm tra, xác minh, kết luận về tiêu chuẩn chính trị phục vụ tốt công tác đề bạt, bổ nhiệm cán bộ và kết nạp đảng viên. Đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng, đảng viên ngày càng đi vào thực chất hơn³⁹. Việc xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng được chú trọng; tổ chức sơ kết việc thực hiện Chỉ thị 10-CT/TW của Ban Bí thư, Hướng dẫn 09-HD/BTCTW của Ban Tổ chức Trung ương và ban hành Chỉ thị tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với việc nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ; trong 03 năm, kết nạp được 4.867 đảng viên⁴⁰, bình quân kết nạp hơn 1.622 đảng viên/năm (*chỉ tiêu bình quân hàng năm kết nạp 1.700 đảng viên*).

³⁴ Lý Sơn, Minh Long, Nghĩa Hành, Sơn Hà, Đức Phổ, Tư Nghĩa, Sơn Tịnh, Trà Bồng, Sơn Tây, Bình Sơn, Huyện Ba Tơ và TP. Quảng Ngãi.

³⁵ Thành phố Quảng Ngãi, Sơn Tịnh, Minh Long, Sơn Hà, Tây Trà, Lý Sơn, Bình Sơn, Mộ Đức, Tư Nghĩa, Đức Phổ, Trà Bồng, Sơn Tây.

³⁶ Trà Bồng, Sơn Tịnh, Đức Phổ, Thành phố Quảng Ngãi, Tư Nghĩa, Sơn Tây.

³⁷ Đức Phổ, Trà Bồng, Sơn Tịnh.

³⁸ Minh Long, Bình Sơn, Tư Nghĩa, Sơn Tịnh.

³⁹ **Năm 2016: Về đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng (TCCSD):** có 917 TCCSD (306 đảng bộ, 611 chi bộ), trong đó, có 912 TCCSD được đánh giá, phân loại chất lượng. Kết quả có 428 TCCSD trong sạch, vững mạnh, chiếm 46,93%; 388 TCCSD hoàn thành tốt nhiệm vụ, chiếm 42,54%; 90 TCCSD hoàn thành nhiệm vụ, chiếm 9,87%; 06 TCCSD yếu kém, chiếm 0,66%. **Về đánh giá chất lượng đảng viên:** có 49.459 đảng viên; trong đó có 44.882 đảng viên được đánh giá chất lượng. Kết quả: có 4.374 đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, chiếm 9,75%; 35.156 đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ, chiếm 78,33%; 5.114 đảng viên hoàn thành nhiệm vụ, chiếm 11,84%; 238 đảng viên không hoàn thành nhiệm vụ, chiếm 0,53%.

Năm 2017: Về đánh giá chất lượng TCCSD: có 924 TCCSD (309 đảng bộ, 615 chi bộ), trong đó, có 922 TCCSD được đánh giá, phân loại chất lượng. Kết quả có 439 TCCSD trong sạch, vững mạnh, chiếm 47,61%; 397 TCCSD hoàn thành tốt nhiệm vụ, chiếm 43,06%; 76 TCCSD hoàn thành nhiệm vụ, chiếm 8,24%; 10 TCCSD yếu kém, chiếm 1,08%. **Về đánh giá chất lượng đảng viên:** có 50.837 đảng viên, trong đó có 46.215 đảng viên được đánh giá chất lượng. Kết quả: có 4.606 đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, chiếm 9,97%; 36.102 đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ, chiếm 78,12%; 5.294 đảng viên hoàn thành nhiệm vụ, chiếm 11,46%; 213 đảng viên không hoàn thành nhiệm vụ, chiếm 0,46%.

⁴⁰ Chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đề ra bình quân hàng năm kết nạp 1.700 đảng viên (số liệu 4.867 tính đến 30/10/2018)

4. Công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng đạt kết quả tích cực.

Tập trung kiểm tra, giám sát 04 Kết luận, 05 Nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy; việc thực hiện các nghị quyết, kết luận của Trung ương gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII, Chỉ thị 05 của Bộ Chính trị về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; các lĩnh vực dễ xảy ra tiêu cực, có dấu hiệu vi phạm. Chỉ đạo các cơ quan liên quan phối hợp chặt chẽ giữa kiểm tra, giám sát của Đảng với thanh tra, giám sát của chính quyền và của Mặt trận, các đoàn thể. Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, các cấp ủy, tổ chức đảng đã kiểm tra 1.782 đảng viên (550 cấp ủy viên) và 1.549 tổ chức đảng; giám sát 1.895 đảng viên (608 cấp ủy viên) và 1.384 tổ chức đảng; trong đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy kiểm tra 20 đảng viên (17 Tỉnh ủy viên) và 14 ban thường vụ huyện ủy; giám sát 37 tổ chức đảng và 09 đảng viên (07 Tỉnh ủy viên). Ủy ban kiểm tra các cấp tiến hành kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với 254 đảng viên (130 cấp ủy viên) và 107 tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm; qua kiểm tra đã xem xét, xử lý và đề nghị xử lý kỷ luật đối với 72 đảng viên và 02 tổ chức đảng vi phạm; trong đó, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy kiểm tra 35 đảng viên (08 Tỉnh ủy viên) và 15 tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm.

Cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, ủy ban kiểm tra cấp các cấp và chi bộ thi hành kỷ luật đối với 589 đảng viên (137 cấp ủy viên) (khiển trách 384, cảnh cáo 142, cách chức 20 và khai trừ 43) và 08 tổ chức đảng bằng hình thức khiển trách. Trong đó, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thi hành thi hành kỷ luật 05 đảng viên (03 Tỉnh ủy viên) (03 khiển trách và 02 khai trừ); Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy thi hành kỷ luật 18 đảng viên (15 cấp ủy viên) (khiển trách 10 và cảnh cáo 08).

Cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, ủy ban kiểm tra cấp các cấp đã xem xét, giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng đối với 01 tổ chức đảng và 15 đảng viên; trong đó, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, giải quyết đối với 04 đảng viên và 01 tổ chức đảng; Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy xem xét, giải quyết đối với 02 đảng viên.

5. Hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền chuyển biến tích cực. Chỉ đạo tổ chức tốt cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 – 2021. Thường xuyên theo dõi, kịp thời cho ý kiến để Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ban hành các chủ trương, cơ chế, chính sách và thực hiện việc quản lý, điều hành các mặt của đời sống xã hội, vừa bảo đảm vai trò lãnh đạo của cấp ủy, vừa bảo đảm thực hiện quyền quyết định theo quy định của pháp luật. Chỉ đạo Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp tục phát huy dân chủ, tinh thần trách nhiệm trong thảo luận, quyết định những vấn đề quan trọng của tỉnh⁴¹; chất lượng chất vấn, trả lời chất vấn được nâng lên, nội dung có trọng tâm, trọng điểm; chất lượng thẩm tra, giám sát, khảo sát chuyên sâu một số lĩnh vực có tăng lên; công tác kiểm tra, đôn đốc và giám sát việc giải quyết các kiến nghị sau giám sát của Thường trực, các ban của HĐND tỉnh được

⁴¹ Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, HĐND tỉnh đã ban hành 121 nghị quyết chuyên đề.

thường xuyên. Chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, mối quan hệ công tác và việc sắp xếp tổ chức bộ máy các cấp, các ngành; chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính, đổi mới lề lối, tác phong làm việc, xây dựng chính quyền kiến tạo, hành động, phục vụ. Thanh tra công vụ, thanh tra, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra được tăng cường và đi vào nề nếp; xử lý chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động thanh tra ngày càng hiệu quả.

6. Công tác dân vận, hoạt động của Mặt trận, các đoàn thể chính trị - xã hội có chuyển biến tích cực

Công tác dân vận, dân tộc, tôn giáo đạt kết quả tốt, bảo đảm giữ vững ổn định xã hội. Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể tích cực đổi mới nội dung, phương thức hoạt động; tăng cường giám sát, phản biện xã hội; từng bước khắc phục hành chính hóa; tích cực vận động nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thực hiện có kết quả các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước, nhất là tham gia giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới; xây dựng, củng cố, phát huy vai trò người có uy tín và nòng cốt, cốt cán trong đồng bào có đạo và đồng bào các dân tộc. Việc thăm hỏi, động viên, hỗ trợ các gia đình chính sách, hộ nghèo⁴²; công tác phát triển và bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của đoàn viên, hội viên đạt được kết quả tích cực⁴³. Việc tiếp xúc, đối thoại trực tiếp giữa bí thư các cấp ủy đảng trong tỉnh với nhân dân tiếp tục được duy trì và đạt nhiều kết quả, tạo sự đồng thuận cao trong Nhân dân⁴⁴. Chỉ đạo tổ chức thành công đại hội các đoàn thể tỉnh⁴⁵.

7. Phương thức lãnh đạo của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tiếp tục được đổi mới.

Hàng năm, Tỉnh ủy xác định Chủ đề để tập trung chỉ đạo, cụ thể: Năm 2016 là “*Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, thu hút đầu tư*”; năm 2017 là “*Đổi mới phương thức lãnh đạo, điều hành; cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và khởi nghiệp*”; năm 2018 là “*Tinh gọn tổ chức bộ máy, biên chế; nâng cao kỷ luật, kỷ cương, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị; huy động nguồn lực xã hội; đồng hành, hỗ trợ doanh nghiệp*”; theo đó ban hành các chương trình, kế hoạch và phân công trách nhiệm cụ thể cho từng tổ chức, cá nhân thực hiện. Thường xuyên kiểm tra, tổ chức làm việc với các ngành, địa phương để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; sau làm việc, kiểm tra có kết luận chỉ rõ việc cần

⁴² Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh phối hợp: Chăm lo, hỗ trợ cho các đối tượng chính sách, hộ nghèo với tổng giá trị khoảng gần **187,5** tỷ đồng (*Năm 2016: 10 tỷ đồng; 2017: 150 tỷ đồng; 2018: 27,5 tỷ đồng*). Xây dựng mới và sửa chữa hơn **2.330** nhà, với tổng giá trị trên **52** tỷ đồng. Thăm hỏi, động viên **30** trường hợp tàu cá gặp nạn khi hành nghề trên biển với tổng giá trị hơn **300** triệu đồng; trao, tặng **2.000** lá cờ cho bà con ngư dân vươn khơi, bám biển. Ban Dân vận Tỉnh ủy đã tổ chức thăm, tặng **900** suất quà cho người có uy tín nhân dịp tết Nguyên đán hàng năm, với tổng giá trị gần **450** triệu đồng (*300 suất quà/năm*).

⁴³ Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, các tổ chức chính trị - xã hội đã phát triển mới **55.327** đoàn viên, hội viên (năm 2016: 15.719; năm 2017: 18.808; năm 2018: 20.800 đoàn viên, hội viên).

⁴⁴ Trong 03 năm qua, Thường trực Tỉnh ủy đã tiếp xúc, đối thoại trực tiếp 05 lượt với Nhân dân tại một số địa phương, đơn vị trên địa bàn tỉnh; cấp huyện có 14/14 bí thư cấp ủy đã tiếp xúc, đối thoại trực tiếp 124 lượt với Nhân dân tại 124 thôn, tổ dân phố, đơn vị; cấp xã có 184/184 bí thư đảng ủy tiếp xúc, đối thoại trực tiếp 754 lượt với Nhân dân tại 817 thôn, tổ dân phố. Các cấp ủy đã ban hành 883 thông báo kết luận đề giải quyết, chỉ đạo giải quyết các vấn đề, vụ việc sau tiếp xúc, đối thoại; đến nay kết quả giải quyết các vụ việc đạt khoảng 85%.

⁴⁵ Đại hội Hội Cựu chiến binh tỉnh khóa VI, Đại hội Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh khóa XIV, nhiệm kỳ 2017–2022; Đại hội đại biểu Phụ nữ tỉnh lần thứ XIX; Đại hội Hội Nông dân tỉnh lần thứ XVI, Đại hội Công đoàn tỉnh lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2018 – 2023.

làm, thời gian hoàn thành, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân. Hằng quý rà soát, đối chiếu kết quả thực hiện với nội dung kết luận để tiếp tục thúc đẩy công việc; động viên tập thể, cá nhân hoàn thành tốt; nhắc nhở tập thể, cá nhân thực hiện chậm, hiệu quả thấp.

Từng bước đổi mới việc cụ thể hóa các Nghị quyết của Đảng theo hướng ngắn gọn, thiết thực. Những nghị quyết của Tỉnh ủy khóa trước, xét thấy nội dung còn phù hợp thì không ban hành nghị quyết mới, chỉ tiến hành tổng kết, đánh giá việc thực hiện và ban hành kết luận bổ sung chủ trương, giải pháp thực hiện.

Kịp thời điều chỉnh, bổ sung Quy chế làm việc; ban hành Chương trình công tác toàn khóa, hàng năm, quý, tháng và lịch công tác hàng tuần. Chương trình công tác xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm và phân công trách nhiệm cho từng cấp ủy viên, các cơ quan liên quan và thời gian tổ chức thực hiện.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng, thể hiện đầy đủ vai trò, trách nhiệm của tập thể, người đứng đầu và trách nhiệm của từng cá nhân trong bàn và ban hành các quyết định lãnh đạo, chỉ đạo. Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, những vấn đề quan trọng, nhạy cảm, phức tạp đều coi trọng từ khâu nghiên cứu, tranh thủ ý kiến chỉ đạo của cấp trên, trung cầu ý kiến của các địa phương, đơn vị, lắng nghe ý kiến của các cơ quan tham mưu, dành thời gian thảo luận kỹ để đi đến thống nhất và quyết tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện. Tổ chức 11 Hội nghị Tỉnh ủy, 69 hội nghị BTVTU và nhiều cuộc họp Thường trực Tỉnh ủy để chỉ đạo, cho ý kiến, quyết định về công tác cán bộ, cơ chế, chính sách, kinh tế - xã hội, đối ngoại, quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị đúng thẩm quyền. Đã sơ kết 02 năm thực hiện 04 Kết luận, 05 Nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy khóa XIX.

Chú trọng chỉ đạo đổi mới việc xây dựng các cơ chế, chính sách theo hướng thông thoáng, bảo đảm hành lang pháp lý. Mở rộng quan hệ đối ngoại; tăng cường xúc tiến, kêu gọi đầu tư; tập trung chỉ đạo chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong thực thi công vụ...

III. Về quốc phòng, an ninh; công tác nội chính, đối ngoại

Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững; tuyến quân hàng năm đạt 100% chỉ tiêu; huy động lực lượng dự bị động viên đạt trên 95%; xây dựng lực lượng công an xã, phường, thị trấn vững mạnh; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ ổn định đạt 1,5% dân số; 100% xã, phường, thị trấn trọng điểm về quốc phòng, an ninh tổ chức tiểu đội dân quân thường trực hoạt động có hiệu quả⁴⁶. Tai nạn giao thông cơ bản được kiềm chế. Công tác phòng, chống cháy, nổ được tăng cường. Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; cải cách tư pháp được chú trọng; hoạt động tư pháp, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án được thực hiện theo đúng quy định; công tác tiếp công dân, giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo đi

⁴⁶ Các chỉ tiêu này đều đạt so với Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX; 49/49 xã, phường, thị trấn trọng điểm về quốc phòng, an ninh.

vào nền nếp; tỷ lệ giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền đạt 93,6%. Hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật được duy trì thường xuyên.

Hoạt động đối ngoại có nhiều bước chuyển biến tích cực, đạt nhiều kết quả quan trọng về ngoại giao chính trị, kinh tế và văn hóa, từng bước làm cầu nối, xúc tiến và thúc đẩy hợp tác quốc tế phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Công tác tổ chức và quản lý đoàn ra, đoàn vào được thực hiện chặt chẽ⁴⁷. Các sự kiện đối ngoại, hội nghị, hội thảo quốc tế do tỉnh Quảng Ngãi chủ trì tổ chức chu đáo, trọng thị, mang lại kết quả thiết thực. Ký kết 07 bản ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác với các địa phương nước ngoài; tiếp nhận hỗ trợ 128 chương trình, dự án với 215,6 tỷ đồng. Bảo hộ ngư dân và tàu thuyền của tỉnh bị nước ngoài bắt giữ kịp thời; chủ động phối hợp Cục Lãnh sự và Đại Sứ quán Việt Nam ở nước ngoài đấu tranh, can thiệp đưa hàng trăm ngư dân địa phương bị bắt giữ về nước an toàn. Tàu thuyền và ngư dân của tỉnh vi phạm vùng biển nước ngoài khai thác thủy sản giảm đáng kể⁴⁸.

IV. Đánh giá chung

1. Ưu điểm

Trong 03 năm qua, tuy còn nhiều khó khăn, thách thức nhưng Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh đã phấn đấu thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu, nhất là 03 nhiệm vụ đột phá, 03 nhiệm vụ trọng tâm đạt được những kết quả quan trọng. Kinh tế tiếp tục tăng trưởng, tổng sản phẩm tăng lên đáng kể; các ngành, lĩnh vực kinh tế đều phát triển; văn hóa, xã hội có nhiều tiến bộ, an sinh xã hội được bảo đảm; đời sống nhân dân được cải thiện. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị có chuyển biến tích cực; quốc phòng, an ninh được bảo đảm.

Những kết quả trên là sự nỗ lực phấn đấu của cả hệ thống chính trị, của cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh. Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể đã quán triệt, cụ thể hóa quan điểm, chủ trương, định hướng từ Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, các nghị quyết của Trung ương và của tỉnh để thực hiện đạt kết quả. Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tổ chức của Đảng; Quy chế làm việc; phát huy sự linh hoạt, sáng tạo của cá nhân; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu; phát huy dân chủ; luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, đoàn kết. Thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và xử lý kỷ luật của Đảng, gắn với công tác giám sát, thanh tra của cơ quan nhà nước các cấp, thanh tra nhân dân của các cơ quan và giám sát của Mặt trận và các đoàn thể.

2. Hạn chế, khuyết điểm

2.1. Về kinh tế - xã hội

⁴⁷ Đã đón tiếp và làm việc với 15 đoàn khách ngoại giao; phối hợp hướng dẫn, quản lý 225 đoàn khách nước ngoài với 1.248 lượt người; hướng dẫn, quản lý 29 đoàn phóng viên nước ngoài, với 64 lượt phóng viên đến thăm và làm việc tại tỉnh; cử 94 đoàn gồm 347 lượt CB, CC, VC đi công tác nước ngoài.

⁴⁸ Năm 2018, không xảy ra trường hợp nào vi phạm.

- Cơ cấu kinh tế chuyên dịch chậm; GRDP bình quân đầu người đạt thấp; chênh lệch thu nhập giữa các tầng lớp dân cư, giữa các vùng miền lớn. Giá trị sản xuất công nghiệp, thu ngân sách nhà nước phụ thuộc chủ yếu vào Nhà máy lọc dầu Dung Quất; các cơ sở công nghiệp khác của tỉnh hầu hết quy mô nhỏ, công nghệ lạc hậu, sức cạnh tranh thấp; công nghiệp có giá trị gia tăng cao, công nghiệp phụ trợ phát triển chậm; thiếu lao động có trình độ chuyên môn, tay nghề cao.

- Cơ cấu lại nông nghiệp chậm, chưa có nhiều mô hình hiệu quả; sản xuất và thị trường một số nông sản, chăn nuôi thiếu ổn định, chưa có giải pháp hữu hiệu để gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ; tàu thuyền khai thác hải sản về các cảng của tỉnh giảm; nguồn lực xây dựng nông thôn mới hạn hẹp, xã đạt chuẩn nông thôn mới thấp so với bình quân chung của cả nước.

- Kinh tế miền núi chưa có đột phá mới; thiếu những mô hình sản xuất hiệu quả; chất lượng giáo dục - đào tạo, y tế thấp; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân khó khăn; giảm nghèo chưa bền vững, tư tưởng trông chờ sự hỗ trợ của Nhà nước chưa giảm mạnh...

- Dịch vụ, du lịch phát triển chưa tương xứng với tiềm năng; quy mô nhỏ, hoạt động thiếu chuyên nghiệp; sản phẩm du lịch chưa phong phú, một số giá trị văn hóa, lịch sử chưa được khai thác hiệu quả. Kinh tế biển, đảo phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế; chủ yếu dựa vào đánh bắt, nuôi trồng thủy sản nhỏ lẻ, manh mún, thường xảy ra dịch bệnh; chế biến thủy sản quy mô nhỏ, năng lực cạnh tranh và giá trị gia tăng thấp; chưa có trung tâm nghề cá lớn; ô nhiễm môi trường ven biển tăng.

- Hạ tầng kinh tế - xã hội một số vùng còn yếu kém, nhiều công trình quan trọng chưa triển khai thực hiện hoặc thực hiện chậm, kéo dài; đầu tư công vẫn còn dàn trải; một số dự án hạ tầng kỹ thuật thuộc diện khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư theo tinh thần Nghị quyết của Tỉnh ủy nhưng một số ngành, địa phương chưa nhất quán trong thực hiện; vẫn còn tình trạng sử dụng ngân sách nhà nước đầu tư vào một số công trình mà các thành phần kinh tế có khả năng đầu tư tốt hơn, việc kéo dài thời gian, thiếu đồng bộ, chất lượng kém, thất thoát, tiêu cực; việc huy động các nguồn lực ngoài ngân sách đầu tư kết cấu hạ tầng chưa đáp ứng yêu cầu; nhiều công trình thủy lợi chưa được đầu tư kiên cố; chất lượng hạ tầng công nghệ thông tin chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; hạ tầng du lịch chưa được đầu tư nhiều, còn thiếu các điểm vui chơi, giải trí; cơ sở vật chất, hạ tầng khoa học và công nghệ phục vụ cho nghiên cứu ứng dụng, thí nghiệm còn nhiều hạn chế... Quản lý nhà nước về đô thị chưa hiệu quả, nhất là quản lý đất đai, đầu tư xây dựng theo quy hoạch.

- Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư còn nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án, nhất là các dự án trọng điểm. Quản lý tài nguyên, môi trường còn hạn chế, nhất là tài nguyên khoáng sản.

- Văn hóa - xã hội phát triển chưa tương xứng với phát triển kinh tế; việc xây dựng con người và môi trường văn hóa lành mạnh chưa đạt yêu cầu đề ra;

thiết chế văn hóa còn thiếu và lạc hậu; xã hội hóa các hoạt động văn hóa chưa mạnh; các biểu hiện thiếu lành mạnh, trái với thuần phong mỹ tục, tệ nạn xã hội có chiều hướng gia tăng.

- Quản lý nhà nước về giáo dục còn một số hạn chế; một số cán bộ quản lý và giáo viên chưa theo kịp yêu cầu đổi mới; cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng dạy học chưa đáp ứng yêu cầu; định hướng nghề nghiệp cho học sinh chưa hiệu quả; phân luồng học sinh sau trung học cơ sở còn khó khăn.

- Chất lượng khám, chữa bệnh chưa đáp ứng yêu cầu, nhất là tuyến cơ sở; tinh thần, thái độ phục vụ người bệnh của một bộ phận y, bác sỹ có chuyên môn nhưng chưa tích cực; tình trạng quá tải ở bệnh viện tuyến tỉnh cao; cơ sở vật chất thiếu; quản lý về vệ sinh, an toàn thực phẩm còn hạn chế.

- Công tác tư vấn, tuyển sinh học nghề chưa hiệu quả; thiếu nguồn lao động có tay nghề; xuất khẩu lao động ở miền núi còn khó khăn. Việc hướng dẫn và giải quyết chế độ, chính sách cho người có công một số nơi chưa kịp thời, không chính xác. Giảm nghèo chưa thật sự bền vững; việc lồng ghép các chương trình, dự án để thực hiện chương trình giảm nghèo đạt hiệu quả chưa cao. Triển khai đề án khuyến khích hộ nghèo tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị để tăng thu nhập và vươn lên thoát nghèo bền vững trên địa bàn 02 huyện Sơn Tây và Tây Trà gặp nhiều khó khăn. Một số địa phương chưa quan tâm đúng mức đến công tác dân tộc.

- Việc khai thác và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước chưa phát huy hiệu quả cao; ứng dụng mô hình một cửa, một cửa liên thông điện tử hiện đại ở mức thấp so với cả nước. Còn nhiều sở, ngành, địa phương chưa chủ động xây dựng cơ sở dữ liệu, phần mềm chuyên ngành để nâng cao năng lực quản lý và phục vụ công tác chuyên môn. Việc triển khai các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 còn ở mức thấp.

- Tính khả thi một số đề tài khoa học và công nghệ còn thấp; việc ứng dụng mang lại hiệu quả chưa cao; phần lớn các địa phương chưa chủ động đề xuất các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cần thiết phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội.

2.2. Về xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể

- Công tác tuyên truyền, định hướng tư tưởng, dư luận có lúc chưa kịp thời, thiếu chiều sâu; đấu tranh phản bác những luận điệu sai trái, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch còn lúng túng, thiếu sắc bén; phát hiện, nhân rộng cá nhân, tập thể tiêu biểu trong học tập và làm theo Bác chưa nhiều. Hoạt động của các cơ quan báo, đài chưa có nhiều đổi mới; thiếu những phóng sự hay, nhất là về phòng, chống tham nhũng, lãng phí; biểu dương người tốt, việc tốt.

- Nhận xét, đánh giá cán bộ, đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên hàng năm còn chậm trễ, vẫn còn biểu hiện nể nang, xuê xoa, ngại va chạm. Việc nắm bắt tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm đề tiên hành kiểm tra chưa nhiều; thực hiện kiểm tra kê khai tài sản, thu nhập của cán

bộ diện BTVTU quản lý còn hạn chế; kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các kết luận sau kiểm tra, giám sát chưa thường xuyên.

- Qua kiểm điểm theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, khóa XII, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tập trung khắc phục và chỉ đạo các cấp ủy trực thuộc khắc phục những hạn chế, khuyết điểm đã chỉ ra. Đến nay, một số khuyết điểm, hạn chế đã được khắc phục nhưng còn nhiều hạn chế, khuyết điểm khắc phục chưa đạt yêu cầu, đó là: Trong lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện tự phê bình, phê bình, ở mức độ này, mức độ kia, tập thể và cá nhân Ban Thường vụ Tỉnh ủy cũng như các cấp ủy trực thuộc vẫn còn biểu hiện nể nang, né tránh, ngại va chạm, ngại tranh luận cho ra lẽ những vấn đề còn băn khoăn, những vấn đề thông tin chưa đầy đủ, dư luận còn trái chiều nhau; chưa chỉ ra được một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức có biểu hiện suy thoái⁴⁹.

- Công tác cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính mặc dù đã được quan tâm chỉ đạo nhưng chưa đạt hiệu quả; việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương ở một số cơ quan, đơn vị thực hiện chưa nghiêm. Các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện và các tổ chức bên trong chậm được sắp xếp lại theo hướng tinh gọn; tổ chức các đơn vị sự nghiệp công lập còn chồng chéo, nhiều đầu mối, mức độ tự chủ về tài chính chưa cao, chất lượng dịch vụ còn hạn chế.

- Việc giải quyết các phản ánh, kiến nghị của cử tri và các kiến nghị sau giám sát, tiếp xúc, đối thoại có nơi còn chậm, thiếu quyết liệt. Một số nơi người đứng đầu chính quyền, cơ quan, đơn vị chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm trực tiếp tiếp công dân, đối thoại với công dân, giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo. Việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở ở một số địa phương chưa tốt, có nơi còn hình thức. Sự phối hợp của chính quyền với các cơ quan dân vận, Mặt trận, các đoàn thể trong nắm tình hình và tham gia giải quyết một số vấn đề nổi cộm, bức xúc tại địa phương chưa đồng bộ, chặt chẽ, hiệu quả thấp. Chất lượng giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận, các đoàn thể còn hạn chế.

2.3. Về quốc phòng, an ninh; công tác nội chính, đối ngoại

Tội phạm và vi phạm pháp luật; tranh chấp, khiếu kiện liên quan vấn đề đất đai, môi trường còn diễn biến phức tạp. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc chưa được quan tâm đúng mức. Công tác phối hợp xử lý tình hình an ninh trật tự có lúc, có nơi còn bị động. Tai nạn giao thông chưa được kiềm chế hiệu quả. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả chưa cao. Phát hiện tham nhũng còn hạn chế. Tàu thuyền và ngư dân hành nghề ở các ngư trường truyền thống bị nước ngoài xua đuổi, tấn công, bắt giữ, đập phá tài sản còn xảy ra, gây ảnh hưởng đến tâm lý, đời sống và kinh tế của ngư dân.

⁴⁹ Một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức chấp hành chưa nghiêm kỷ luật, kỷ cương; vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, đoàn kết xuôi chiều; không sâu sát cơ sở; trong tự phê bình còn giấu giếm khuyết điểm, thiếu thành khẩn, chưa tự giác nhận khuyết điểm; không chịu khó học tập, lắng nghe, tiếp thu ý kiến góp ý xây dựng của đồng chí, đồng nghiệp; phẩm chất đạo đức, ý thức trách nhiệm thấp; quan liêu, xa dân; tham nhũng, lãng phí, phát ngôn tùy tiện, thiếu chuẩn mực trên mạng xã hội, báo chí; ngại nghe sự thật; làm việc cầm chừng; toan tính vụ lợi cho bản thân và gia đình; có biểu hiện “lợi ích nhóm”; coi thường dư luận, pháp luật; nhận thức đơn giản về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; mơ hồ, thiếu cảnh giác với những thông tin xuyên tạc của các thế lực thù địch, các phần tử xấu, mạng xã hội; tự cao, tự đại, tự cho mình hiểu biết, chê bai sự lãnh đạo, điều hành của Đảng và Nhà nước. Một số tổ chức đảng, cán bộ lãnh đạo trong quản lý, điều hành, nhận xét, đánh giá cán bộ, công chức, đảng viên còn “hữu khuynh”, “thiên vị” hoặc đố kỵ, hẹp hòi; thiếu kiểm tra, đôn đốc đối với cấp dưới...

3. Nguyên nhân của những hạn chế, khuyết điểm

Những khuyết điểm, yếu kém nêu trên có nguyên nhân khách quan do Nhà máy lọc dầu bảo dưỡng định kỳ; giá dầu thô thế giới giảm đã ảnh hưởng lớn đến giá trị tổng sản phẩm (GRDP), tốc độ tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và thu ngân sách; hầu hết doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có quy mô nhỏ, thậm chí siêu nhỏ, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế thấp; việc thực hiện các cam kết về giảm thuế quan, hạn ngạch nhập khẩu và các điều kiện khác của các hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và các nước đã tác động không nhỏ đến tình hình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; giá cả, thị trường một số nông sản thiếu ổn định; nhiều chỉ tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết đề ra cao so với khả năng huy động nguồn lực; năng lực, nguồn vốn của một số nhà đầu tư chưa đáp ứng yêu cầu; đăng ký vốn lớn nhưng thực hiện chưa nhiều... nhưng chủ yếu bắt nguồn từ nguyên nhân chủ quan đó là: Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện của một số cơ quan trong hệ thống chính trị có mặt thiếu đồng bộ, có lúc, có việc chưa tập trung cao, có việc thiếu kiên quyết, chưa đáp ứng yêu cầu; vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu ở một số cấp ủy, chính quyền còn mờ nhạt, hạn chế; công tác phối hợp, trao đổi thông tin; đề xuất, xử lý những khó khăn, vướng mắc trong phát triển kinh tế - xã hội của các cơ quan chức năng chưa thường xuyên, kịp thời. Các khó khăn, vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng ở một số dự án chưa được giải quyết dứt điểm. Chưa có giải pháp hữu hiệu để tạo đầu ra ổn định cho nông sản, chăn nuôi. Chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu; thủ tục hành chính còn rườm rà; kỷ luật, kỷ cương có nơi chưa nghiêm; một bộ phận công chức không đáp ứng yêu cầu, thiếu tinh thần trách nhiệm, ngại đổi mới, chưa tận tâm phục vụ, hỗ trợ tổ chức và công dân...

Phần thứ hai

**dự kiến khả năng thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu;
một số nhiệm vụ chủ yếu từ nay đến cuối nhiệm kỳ**

A. Dự kiến khả năng thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu đến cuối nhiệm kỳ

| T T | Các chỉ tiêu chủ yếu | Đơn vị tính | Chỉ tiêu NQ Đại hội XIX | Kết quả thực hiện bình quân 03 năm hoặc năm 2018 | Khả năng thực hiện đến cuối nhiệm kỳ |
|----------------|---|------------------------|--|---|---|
| A | KINH TẾ | | | | |
| 1 | Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân | % | 6-7 | 5,28 | Khả năng đạt thấp |
| 2 | Đến năm 2020, GRDP bình quân đầu người | USD/ người | 3.600 – 4.000 | 2.469 | Khả năng đạt thấp |
| 3 | Cơ cấu kinh tế | | | | |
| | - Công nghiệp – Xây dựng | % | 60 - 61 | 51,36 | Khả năng |

| T T | Các chỉ tiêu chủ yếu | Đơn vị tính | Chỉ tiêu NQ Đại hội XIX | Kết quả thực hiện bình quân 03 năm hoặc năm 2018 | Khả năng thực hiện đến cuối nhiệm kỳ |
|----------------|---|------------------------|--|---|---|
| | - Dịch vụ | % | 28 - 29 | 30,57 | đạt thấp |
| | - Nông, lâm, thủy sản | % | 11 - 12 | 18,07 | |
| 4 | Giá trị sản xuất công nghiệp đến năm 2020 | Tỷ đồng | 113.000 | 114.106 | Khả năng vượt |
| | - Tốc độ tăng giá trị sản xuất công nghiệp bình quân | % | 2-3 | 2,24 | Khả năng đạt |
| | - Tốc độ tăng giá trị sản xuất công nghiệp bình quân không tính dầu | % | 14-15 | 10,41 | Có khả năng đạt |
| 5 | Tốc độ tăng giá trị sản xuất dịch vụ bình quân | % | 12 | 8,88 | Có khả năng đạt |
| 6 | Tốc độ tăng giá trị sản xuất nông nghiệp bình quân | % | 3,5-4 | 4,99 | Bình quân 03 năm đã vượt |
| 7 | Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ | Tỷ đồng | 70.000 | 51.018 | Có khả năng đạt |
| 8 | Tổng vốn đầu tư toàn xã hội 5 năm | Tỷ đồng | 90.000 | 68.068 | Có khả năng đạt |
| 9 | Kim ngạch xuất khẩu đến năm 2020 | Triệu USD | 1.000 | 540 | Khả năng đạt thấp |
| 10 | Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh | % | 23 | 20,38 | Có khả năng đạt |
| 11 | Đến năm 2020 có các xã và huyện đạt chuẩn nông thôn mới | Xã | 98 | 61 | Có khả năng đạt |
| | | Huyện | 06 | 01 | Khả năng đạt thấp |
| 12 | Tổng thu ngân sách trên địa bàn | | Vượt chỉ tiêu Trung ương giao | 53.281 tỷ đồng | Khả năng đạt và vượt |
| B | VĂN HÓA - XÃ HỘI | | | | |
| 13 | Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề | % | 55 | 51 | Có khả năng đạt |
| | <i>Trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt</i> | % | 80 - 85 | 75 | Có khả năng đạt |
| 14 | Tỷ trọng cơ cấu lao động các ngành kinh tế trong tổng lao | | | | |

| T T | Các chỉ tiêu chủ yếu | Đơn vị tính | Chỉ tiêu NQ Đại hội XIX | Kết quả thực hiện bình quân 03 năm hoặc năm 2018 | Khả năng thực hiện đến cuối nhiệm kỳ |
|----------------|---|------------------------|--|---|---|
| | động xã hội | | | | |
| | - Công nghiệp – xây dựng | % | 32 | 31 | Có khả năng đạt |
| | - Dịch vụ | % | 28 | 27 | Có khả năng đạt |
| | - Nông, lâm, thủy sản | % | 40 | 42 | Có khả năng đạt |
| | Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia | | | | |
| | - Mầm non | % | 35 | 35,34 | Năm 2018 đã vượt |
| 15 | - Tiểu học | % | 70 | 70,37 | Năm 2018 đã vượt |
| | - Trung học cơ sở | % | 75 | 69,46 | Có khả năng đạt |
| | - Trung học phổ thông | % | 60 | 55,23 | Có khả năng đạt |
| 16 | Số giường bệnh/1 vạn dân (không tính trạm y tế xã) | Giường | 24 | 27,3 | Năm 2018 đã vượt |
| 17 | Số bác sỹ/1 vạn dân | Bác sỹ | 7 | 6,5 | Có khả năng đạt |
| 18 | Tuổi thọ bình quân | % | 75 | 74 | Có khả năng đạt |
| 19 | Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên | ‰ | 9,2 | 8,5 | Năm 2018 đã vượt |
| 20 | Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế | % | 85 | 89 | Năm 2018 đã vượt |
| | Tỷ lệ đạt chuẩn văn hóa đến năm 2020 | | | | |
| 21 | - Gia đình văn hoá | % | 88 | 85 | Có khả năng đạt |
| | - Thôn, khối phố văn hoá | % | 78 | 85 | Năm 2018 đã |

| T T | Các chỉ tiêu chủ yếu | Đơn vị tính | Chỉ tiêu NQ Đại hội XIX | Kết quả thực hiện bình quân 03 năm hoặc năm 2018 | Khả năng thực hiện đến cuối nhiệm kỳ |
|----------------|--|------------------------|--|---|---|
| | | | | | vượt |
| | - Cơ quan, đơn vị văn hoá | % | 96 | 91 | Có khả năng đạt |
| 21 | Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân | % | 2 | 1,87 | Có khả năng đạt |
| | - Đồng bằng | % | 1,6 | 1,025 | Có khả năng đạt |
| | - Miền núi | % | 4 | 5,08 | Bình quân 03 năm đã vượt |
| C | MÔI TRƯỜNG | | | | |
| 22 | Tỷ lệ dân cư đô thị được dùng nước sạch | % | 89 | 88 | Có khả năng đạt |
| 23 | Tỷ lệ dân cư nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh | % | 95 | 91 | Có khả năng đạt |
| | <i>Trong đó, có sử dụng nước sạch</i> | % | 50 | | Chưa có thông tin |
| 24 | Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia | % | 60 | 50 | Có khả năng đạt |
| 25 | Tỷ lệ xử lý chất thải y tế được xử lý | % | 85 | 80 | Có khả năng đạt |
| 26 | Độ che phủ của rừng (<i>có tính cây phân tán</i>) | % | 52 | 51,7 | Có khả năng đạt |
| D | QUỐC PHÒNG, AN NINH | | | | |
| 27 | Xây dựng xã, phường, thị trấn vững mạnh về quốc phòng | % | 90 | 92 | Vượt |
| | <i>Trong đó: vững mạnh, toàn diện</i> | % | 60 | 55 | Có khả năng đạt |
| 28 | Xây dựng xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn “ <i>An toàn về an ninh trật tự</i> ” | % | 80 | 90 | Vượt |
| 29 | Doanh nghiệp đạt loại khá trở lên, không có loại yếu. | % | 70 | | Chưa có thông tin |
| E | XÂY DỰNG ĐẢNG | | | | |
| 30 | Số tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh hàng năm | % | 50 | 50 | Khả năng đạt |

| T T | Các chỉ tiêu chủ yếu | Đơn vị tính | Chỉ tiêu NQ Đại hội XIX | Kết quả thực hiện bình quân 03 năm hoặc năm 2018 | Khả năng thực hiện đến cuối nhiệm kỳ |
|--------|----------------------------|----------------|-------------------------------|---|--|
| 31 | Kết nạp đảng viên hàng năm | Đảng viên | 1.700 | 4.867 | Khả năng đạt |

Trong tổng số 31 chỉ tiêu⁵⁰ đề ra trong Nghị quyết, đến nay có khoảng 12 chỉ tiêu đã đạt và vượt (*Tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành công nghiệp; tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp; thu ngân sách; trường đạt chuẩn quốc gia cấp mầm non, tiểu học; số giường bệnh/vạn dân; tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế; tỷ lệ thôn, tổ dân phố đạt văn hóa; tỷ lệ giảm nghèo miền núi; tỷ lệ xã, phường, thị trấn vững mạnh về quốc phòng; tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự”; số tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh; kết nạp đảng viên hàng năm*); khoảng 04 chỉ tiêu xấp xỉ đạt (*tỷ lệ lao động ngành công nghiệp; tỷ lệ lao động ngành dịch vụ; tỷ lệ giảm nghèo toàn tỉnh; tỷ lệ cư dân đô thị dùng nước sạch; tỷ lệ che phủ rừng*); các chỉ tiêu còn lại đều đạt từ 68% trở lên; riêng 04 chỉ tiêu về tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân 5 năm; chuyển dịch cơ cấu kinh tế; GRDP bình quân đầu người và số huyện đạt chuẩn nông thôn mới dự báo sẽ khó đạt chỉ tiêu đề ra⁵¹.

B. Một số nhiệm vụ chủ yếu từ nay đến cuối nhiệm kỳ

Các cấp, các ngành tập trung khắc phục các hạn chế, yếu kém đã chỉ ra, nhất là khâu tổ chức thực hiện; kiểm tra, đôn đốc, tổ chức thực hiện toàn diện, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, các Kết luận, Nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy; trong đó tập trung vào một số nội dung trọng tâm sau:

I. Về kinh tế

1. Về phát triển công nghiệp

- Cùng với việc nâng cao chất lượng, hiệu quả của các ngành công nghiệp truyền thống, cần ưu tiên thu hút các dự án công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sạch, công nghiệp chế biến; công nghiệp phụ trợ; công nghiệp sau dầu; các ngành công nghiệp nhẹ giải quyết nhiều lao động; các dịch vụ cảng biển, logistic..., nhằm từng bước giảm phụ thuộc vào Nhà máy lọc dầu Dung Quất; phấn đấu đến năm 2020 công nghiệp địa phương chiếm khoảng 40% trong tổng giá trị sản phẩm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Chủ động phối hợp, triển khai các thủ tục, sớm hình thành Trung tâm Lọc hóa dầu và Năng lượng quốc gia tại Khu Kinh tế Dung Quất; thực hiện các dự

⁵⁰ chỉ tiêu chủ yếu và chỉ tiêu đề ra trong các nhiệm vụ.

⁵¹ Nguyên nhân khó đạt là do trong thời gian xây dựng Kế hoạch dự tính giá dầu duy trì ở mức cao; dự kiến một số các dự án có quy mô lớn đi vào hoạt động như dự án nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất, dự án Khu đô thị công nghiệp Dung Quất và một số dự án khác, tuy nhiên, đến nay, các dự án này thực hiện còn chậm so với tiến độ đề ra và giá dầu giảm mạnh (chỉ còn khoảng 50 - 60% so với lúc xây dựng Kế hoạch).

án điện khí theo chỉ đạo của Chính phủ; đề xuất Trung ương thành lập “Trung tâm phát triển công nghiệp hỗ trợ khu vực miền Trung - Tây Nguyên” tại Quảng Ngãi.

- Tích cực, chủ động giải quyết các khó khăn, vướng mắc cho nhà đầu tư; cải cách mạnh mẽ, quyết liệt các thủ tục hành chính; đồng hành cùng doanh nghiệp để tạo môi trường thông thoáng, thuận lợi thu hút đầu tư. Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện, hoàn thành các dự án lớn, có sức lan tỏa. Rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành các cơ chế, chính sách phát triển công nghiệp cả chiều rộng và chiều sâu; tạo quỹ đất sạch; các quy định bảo vệ môi trường, thu hút các nhà đầu tư kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp.

- Phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển công nghiệp; nâng cao năng lực quản lý nhà nước về đào tạo nghề; tăng cường dự báo nhu cầu lao động; gắn kết chặt chẽ giữa nhà nước, cơ sở đào tạo lao động và doanh nghiệp trong đào tạo kỹ năng, kỹ thuật, ý thức trách nhiệm, tác phong, đạo đức nghề nghiệp cho người lao động.

- Việc quy hoạch, đầu tư xây dựng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp phải đặc biệt quan tâm quy hoạch, bố trí quỹ đất phù hợp để đầu tư hạ tầng xã hội phục vụ người lao động; chú trọng giải quyết việc làm, chuyển đổi ngành nghề phù hợp cho các hộ dân nhàn rỗi đất để thực hiện các dự án; rà soát, xử lý, thu hồi các dự án chậm tiến độ, gây ô nhiễm môi trường.

- Rà soát, đánh giá lại hiệu quả hoạt động của các cụm công nghiệp; có chính sách khuyến khích các nhà đầu tư đầu tư và kinh doanh hạ tầng các cụm công nghiệp.

2. Về nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới

- Thực hiện có hiệu quả Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp; cơ cấu lại trồng trọt, chăn nuôi, chuyển mục tiêu từ số lượng sang chất lượng, giá trị gia tăng, sản xuất theo chuỗi giá trị; khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, ưu tiên phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ. Khuyến khích, hỗ trợ các thành phần kinh tế đầu tư phát triển các dịch vụ hậu cần nghề cá, các cơ sở chế biến.

- Tiếp tục nghiên cứu, ban hành, sửa đổi, bổ sung các chính sách về nông nghiệp, nông thôn như: tích tụ ruộng đất, xây dựng vùng chuyên canh tập trung; thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp; liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông, lâm, thủy, hải sản; liên kết giữa người sản xuất, nhà khoa học, nhà nước và doanh nghiệp.

- Đổi mới, nâng cao hiệu quả, năng lực hoạt động của HTX nông nghiệp theo hướng HTX dịch vụ; thu hút các thành phần kinh tế phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới; thực hiện tốt công tác dự báo thị trường để định hướng sản xuất; củng cố hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp.

- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác bảo đảm an toàn thực phẩm hàng nông, lâm, thủy sản, nâng cao ý thức người dân trong sản xuất, tiêu

thụ sản phẩm sạch, an toàn; quy hoạch và xây dựng các cơ sở giết mổ tập trung; hướng dẫn các biện pháp bảo đảm an toàn thực phẩm; đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật, trong đó chú trọng giống, kỹ thuật sản xuất...

- Tiếp tục cân đối hợp lý nguồn lực, đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng các cảng chuyên dụng, khu neo đậu, tránh bão; khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư dịch vụ hậu cần nghề cá; có cơ chế, chính sách hỗ trợ hình thành các tổ hợp tác tương trợ, giúp đỡ nhau trong khai thác hải sản, bảo đảm an toàn, nâng cao hiệu quả kinh tế.

- Thực hiện chương trình nông thôn mới theo hướng ưu tiên nguồn lực hỗ trợ phát triển sản xuất, tăng thu nhập, nâng cao đời sống nhân dân. Thường xuyên bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, nâng cao năng lực điều hành, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Trong xây dựng nông thôn mới, đặc biệt chú trọng phát triển sản xuất nâng cao đời sống nhân dân; thực hiện phương châm từ đồng ruộng, trang trại; từ hộ gia đình đến cụm dân cư, đến thôn, xã, huyện.

3. Về phát triển dịch vụ, du lịch

- Khai thác, phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế phát triển các ngành dịch vụ gắn với cảng nước sâu Dung Quất; phát triển các dịch vụ vận tải, dịch vụ thương mại, dịch vụ kinh doanh bất động sản, dịch vụ ngân hàng, bảo hiểm, tài chính...

- Tập trung hỗ trợ các nhà đầu tư hoàn thành thủ tục đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án: Quần thể du lịch nghỉ dưỡng và đô thị Bình Châu – Lý Sơn; chùa Minh Đức và khu văn hóa Thiên Mã; Trung tâm thương mại và nhà phố Shop house, Trung tâm thương mại Hùng Cường Big C, Khu du lịch nghỉ dưỡng Bãi Dừa, Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng tắm bùn suối nước nóng Nghĩa Thuận...

- Triển khai thực hiện Dự án Bảo tồn khẩn cấp đảo Bé. Hoàn thành hồ sơ đề nghị công nhận Công viên địa chất toàn cầu Lý Sơn, Bình Châu và vùng phụ cận.

- Đẩy mạnh phát triển du lịch văn hóa, lịch sử gắn với cụm di tích khởi nghĩa Ba Tơ, khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, Khu lưu niệm Thủ tướng Phạm Văn Đồng, Khu Chứng tích Sơn Mỹ, Khu văn hóa Thiên Ấn, Công viên Thiên Bút; đưa vào sử dụng Khu Bảo tồn Văn hoá Sa Huỳnh.

- Tiếp tục bảo tồn và phát huy các di sản văn hoá phi vật thể; tuyên truyền và nâng cao nhận thức của cộng đồng đối với việc tham gia bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá trên địa bàn tỉnh.

- Huy động mọi nguồn lực, khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển các khu, điểm du lịch theo quy hoạch được duyệt, các cơ sở lưu trú, nhà hàng, các khu nghỉ dưỡng cao cấp, trung tâm hội nghị, sân golf, các cơ sở dịch vụ thông tin, tư vấn du lịch, cơ sở dịch vụ tham quan, nghỉ dưỡng,...

4. Về đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng

- Huy động mọi nguồn lực, kết hợp với nguồn vốn ngân sách tập trung đầu tư hoàn thành và đưa vào sử dụng các công trình giao thông quan trọng như: Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1, đoạn Dốc Sỏi - VSIP; Nâng cấp đường Quảng Ngãi - Chợ Chùa; Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 24B (đoạn qua trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh mới); Nâng cấp, mở rộng tuyến Quảng Ngãi - Thạch Nham (giai đoạn 2); đường Chu Văn An; cảng Bến Đình, cầu Cửa Đại. Hoàn thành thủ tục để sớm đầu tư thực hiện dự án tuyến đường nối từ đường dẫn phía Bắc cầu Thạch Bích đến Khu công nghiệp VSIP Quảng Ngãi; đường Dung Quất - Sa Huỳnh (giai đoạn 2).

- Tiếp tục đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị thành phố Quảng Ngãi, Đức Phổ và các thị trấn, đô thị theo quy hoạch; trong đó tập trung ưu tiên đầu tư phát triển đô thị thành phố Quảng Ngãi đạt tiêu chí đô thị loại I, huyện Đức Phổ trở thành thị xã trực thuộc tỉnh; phân đầu đưa đô thị Vạn Tường, thị trấn Châu Ổ, thị trấn Di Lăng đạt đô thị loại IV.

- Huy động nguồn lực và sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước đầu tư phát triển hạ tầng giáo dục, y tế, văn hóa. Trong đó ngân sách nhà nước ưu tiên đầu tư kiên cố hóa trường lớp học, trang thiết bị phục vụ giảng dạy; đầu tư nâng cấp Bệnh viện đa khoa tỉnh đạt tiêu chuẩn hạng 1; hệ thống xử lý chất thải y tế tập trung; hạ tầng thiết yếu Khu liên hợp thể dục, thể thao tỉnh. Tạo điều kiện cho các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ hoàn thành và đưa vào sử dụng các dự án: Thành phố giáo dục Quốc tế Quảng Ngãi; Khu dịch vụ chất lượng cao Bệnh viện Đa khoa tỉnh.

- Tiếp tục hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án lớn, có tính chất lan tỏa: Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát - Dung Quất; khu Đô thị Công nghiệp Dung Quất; Khu Đô thị và Dịch vụ VSIP Quảng Ngãi; nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất; các bến cảng chuyên dùng tại Khu kinh tế Dung Quất; đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN nhẹ Bình Hòa - Bình Phước; các dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao; du lịch, dịch vụ. Tập trung thu hút đầu tư cụm cảng tổng hợp, cảng container Dung Quất; ưu tiên ngân sách nhà nước đầu tư hoàn thành các dự án: đường Trì Bình - Cảng Dung Quất, Kè chắn cát cảng Dung Quất giai đoạn 2, đường liên cảng Dung Quất.

- Thực hiện tốt công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư, để sớm bàn giao mặt bằng thực hiện các dự án; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát của các ngành, các cấp, thường xuyên tổ chức gặp gỡ, tiếp xúc, đối thoại với người dân, doanh nghiệp để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện các dự án hạ tầng kinh tế - xã hội.

- Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư xây dựng; loại bỏ và kiến nghị cấp trên loại bỏ những thủ tục rườm rà, gây cản trở cho công dân, tổ chức.

5. Về phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo ở 6 huyện miền núi

- Tập trung khai thác, phát huy tối đa các tiềm năng, nguồn lực phát triển

lâm nghiệp và kinh tế trang trại trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, là tiền đề để phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, xây dựng nông thôn mới và giải quyết tốt vấn đề nông dân, nông thôn miền núi. Rà soát lại quy hoạch 03 loại rừng; tiếp tục thực hiện giao đất, giao rừng cho dân sản xuất; rà soát, thu hồi diện tích đất đã giao cho các tổ chức, cá nhân nhưng sử dụng không hiệu quả hoặc chưa sử dụng giao lại cho người dân sử dụng; thực hiện tốt chính sách hỗ trợ trồng cây gỗ lớn, gỗ quý, cây trồng mới có giá trị kinh tế cao để từng bước thay thế cây Keo. Chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện từng vùng; đầu tư xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả để nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững.

- Thực hiện lồng ghép có hiệu quả các chương trình, dự án hỗ trợ phát triển kinh tế, xã hội, giảm nghèo; ưu tiên hỗ trợ phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững cho người dân; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện để các chương trình, dự án triển khai thực hiện bảo đảm mục tiêu đề ra. Ưu tiên nguồn lực tập trung đầu tư cho một số xã điểm để sớm hoàn thành các tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

- Có cơ chế, chính sách đặc thù thu hút đầu tư vào khu vực miền núi; kêu gọi đầu tư các cơ sở công nghiệp chế biến nông, lâm sản, các khu, điểm du lịch, dịch vụ, thủy điện ở những nơi có điều kiện. Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông miền núi gắn với các vùng sản xuất của người dân, tạo điều kiện phát triển sản xuất, lưu thông hàng hóa.

- Đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng giáo dục; tăng cường dạy tiếng Việt cho học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số; tăng cường y, bác sĩ cho các cơ sở y tế, nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh; ưu tiên nguồn lực đầu tư hệ thống trường nội trú, bán trú và các cơ sở y tế. Bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số; ngăn chặn hiệu quả các tập tục lạc hậu, mê tín dị đoan.

- Đổi mới, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng công tác thông tin, tuyên truyền để nâng cao dân trí, nâng cao nhận thức, kiến thức, kỹ năng về sản xuất, khắc phục triệt để tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước. Thực hiện tốt chính sách khuyến khích hộ nghèo tạo ra nhiều sản phẩm để tăng thu nhập và vươn lên thoát nghèo bền vững ở 02 huyện Sơn Tây và Tây Trà để bổ sung, hoàn thiện nhân rộng.

6. Về phát triển kinh tế biển, đảo

- Ưu tiên phân bổ nguồn vốn ngân sách, khuyến khích, huy động các nguồn lực khác để đầu tư hoàn thành các công trình hạ tầng quan trọng, tạo động lực phát triển kinh tế, biển đảo như: giao thông, cảng biển, dịch vụ biển...

- Thực hiện tốt các chính sách phát triển thủy sản, tăng cường năng lực và hiện đại hóa đội tàu cá, tiếp tục xây dựng các tổ hợp tác đánh bắt cá và dịch vụ hậu cần trên biển gắn với dịch vụ hậu cần trên bờ; kêu gọi, hỗ trợ đầu tư phát triển công nghiệp chế biến thủy sản, nông lâm sản; kết nối, mở rộng thị trường tiêu thụ, nâng cao giá trị gia tăng.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành đưa vào khai thác hiệu quả các khu, điểm du lịch; kiên quyết thu hồi các dự án không thực hiện hoặc thực hiện chậm tiến độ kéo dài.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng ngừa, hạn chế, ngăn chặn ô nhiễm và suy thoái môi trường biển; bảo vệ và phát triển bền vững các hệ sinh thái biển và ven biển; cải tạo môi trường ở các vùng bị ô nhiễm; khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực xử lý rác thải, nước thải ở các huyện ven biển.

- Nâng cao năng lực quốc phòng vùng biển, đảo; chủ động nắm chắc tình hình, phát hiện kịp thời các âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, các loại tội phạm nhằm đấu tranh có hiệu quả, giữ vững an ninh, quốc phòng khu vực biên giới biển, đảo.

7. Huy động các nguồn lực; tăng cường quản lý đầu tư; kiểm soát chặt chẽ tài chính, ngân sách. Huy động tối đa nguồn lực xã hội; khuyến khích các hình thức đầu tư theo phương thức đối tác công tư; thực hiện lồng ghép hợp lý các nguồn vốn cho đầu tư phát triển. Sử dụng hiệu quả vốn nhà nước, ưu tiên bố trí cho giáo dục, y tế, giảm nghèo, tạo việc làm, phát triển nông nghiệp, nông thôn; các dự án thật sự cần thiết, cấp bách mà các thành phần kinh tế ngoài nhà nước không đầu tư. Tập trung vốn hoàn thành các công trình trọng điểm, sớm phát huy hiệu quả; quản lý, giám sát chất lượng công trình, kiên quyết xử lý tình trạng lãng phí, tiêu cực.

Quản lý chặt chẽ nguồn thu, thực hiện thu đúng, thu đủ; chống thất thu, nợ đọng thuế; hạn chế ứng trước dự toán và chi chuyển nguồn. Tiếp tục cơ cấu lại chi ngân sách, bảo đảm tỷ lệ hợp lý giữa chi đầu tư, chi thường xuyên và chi trả nợ; giảm chi thường xuyên, tăng chi cho đầu tư phát triển, ưu tiên cho các nhiệm vụ đột phá, nhiệm vụ trọng tâm; tiết kiệm và giảm tối đa kinh phí hội họp, hội thảo, lễ hội, đi công tác nước ngoài, mua sắm phương tiện, trang thiết bị đắt tiền.

8. Về tài nguyên và môi trường: Chấn chỉnh công tác quản lý tài nguyên, môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu; thực hiện nghiêm quy định đấu giá quyền khai thác tài nguyên, khoáng sản; nâng cao chất lượng thẩm định, đánh giá tác động môi trường; thẩm định giá đất sát với giá thị trường. Có kế hoạch lâu dài, bền vững đối với công tác xử lý rác thải; kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải; ưu tiên khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư các dự án bảo vệ môi trường, thu gom xử lý rác thải, chất thải, nước thải; phát triển năng lượng tái tạo và sử dụng tiết kiệm năng lượng; chú trọng bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ thiên tai; ưu tiên nguồn lực đầu tư sửa chữa các hồ đập có nguy cơ mất an toàn và các dự án phòng, chống thiên tai.

II. Về văn hóa – xã hội

1. Thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp, tạo chuyển biến thực chất trong xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ngãi. Tiếp tục rà soát, bổ sung, ban hành mới các cơ chế, chính sách của tỉnh về phát triển văn hóa,

con người Quảng Ngãi như: Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Quảng Ngãi đến năm 2030; Quy định quản lý hoạt động quảng cáo ngoài trời trên địa bàn tỉnh; chính sách đãi ngộ, tôn vinh các nghệ nhân dân gian, tổ chức các nhân có công giữ gìn, trao truyền và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc... Sử dụng nguồn vốn ngân sách kết hợp huy động nguồn lực xã hội xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao; trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa vật thể, gìn giữ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh. Tăng cường quản lý nhà nước về lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật; ngăn chặn, xử lý nghiêm những hành vi vi phạm trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật; các hoạt động văn học, nghệ thuật không đúng tôn chỉ, mục đích, trái với thuần phong, mỹ tục. Nâng cao hiệu quả sử dụng và hoạt động các thiết chế văn hóa, thể thao; thực hiện Đề án sắp xếp, đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh.

2. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo; coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực người học; thực hiện có hiệu quả phân luồng sau trung học cơ sở; định hướng nghề nghiệp ở trung học phổ thông; rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông; đầu tư, sửa chữa, chống xuống cấp các cơ sở giáo dục; củng cố, phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, giáo dục miền núi; đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích phát triển các loại hình trường ngoài công lập.

3. Thực hiện đầy đủ, có chất lượng các nghị quyết của Trung ương, kế hoạch của Tỉnh ủy về y tế, dân số; nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh; tiếp tục mời gọi và tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư xây dựng bệnh viện đa khoa, chuyên khoa ngoài công lập; thu hút bác sĩ, dược sĩ có trình độ cao về tỉnh công tác.

4. Thực hiện tốt các chính sách xã hội, an sinh xã hội; chăm lo đời sống người có công với cách mạng; giải quyết việc làm, giảm nghèo bền vững; đa dạng hóa và đổi mới các hình thức tư vấn, giới thiệu việc làm; tăng cường gắn kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp; thực hiện hiệu quả các chính sách hỗ trợ xuất khẩu lao động.

5. Triển khai có hiệu quả công tác thông tin, truyền thông; phòng ngừa, ứng phó, khắc phục kịp thời các sự cố mất an toàn thông tin, an ninh mạng; triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ về ứng dụng công nghệ thông tin trong việc xây dựng chính quyền điện tử, công dân dân điện tử.

6. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất, kinh doanh và phục vụ đời sống nhân dân. Thực hiện cơ chế Nhà nước đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ gắn với trách nhiệm sử dụng kết quả nghiên cứu, phục vụ nhu cầu của tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp.

III. Về xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền và các đơn vị sự nghiệp công lập

1. Tiếp tục đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các cấp ủy đảng; đổi mới và nâng cao hoạt động giám sát, phản biện xã

hội của Mặt trận và các đoàn thể; trọng tâm là: Kiên quyết, kiên trì thực hiện 04 nhóm nhiệm vụ, giải pháp trong Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII; khắc phục suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa". Nêu cao và gắn trách nhiệm của người đứng đầu trong thực thi nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị; giảm hội họp, giấy tờ, tăng cường đi cơ sở, kiểm tra, đôn đốc giải quyết kịp thời các yêu cầu, kiến nghị chính đáng của Nhân dân, doanh nghiệp.

2. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; ý thức trách nhiệm của cán bộ, công chức trong thực thi công vụ; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền các cấp; thực hiện đồng bộ, hiệu quả việc xây dựng chính quyền điện tử, kiến tạo, hành động, phục vụ. Thực hiện quyết liệt cải cách hành chính, nhất là thủ tục hành chính; cải thiện chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX); chỉ số quản trị và hành chính công (PAPI); chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI); đưa phần lớn các thủ tục hành chính vào thực hiện tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh với mục tiêu “Công khai - Minh bạch - Chất lượng - Đúng hẹn”. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức và công dân; khẩn trương xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án chính quyền điện tử; thực hiện nghiêm túc quy định trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính.

3. Thực hiện đầy đủ, có chất lượng việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết 18-NQ/TW và Kế hoạch 125-KH/TU của Tỉnh ủy, trọng tâm là tập trung hoàn thành việc xây dựng và tổ chức thực hiện các đề án: (1) Sắp xếp lại Văn phòng Tỉnh ủy để phục vụ chung các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; (2) Sắp xếp, đổi mới tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị huyện Lý Sơn; (3) Sáp nhập Đảng ủy Khối các cơ quan và Đảng ủy Khối Doanh nghiệp tỉnh; (4) Sắp xếp tổ chức bộ máy Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh; (5) Sắp xếp, tổ chức lại các sở, ban, ngành của tỉnh; (6) Sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp xã; sáp nhập các thôn, tổ dân phố; (7) Hợp nhất Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh và Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thành một Văn phòng tham mưu, giúp việc chung; (8) Hợp nhất Văn phòng Huyện ủy và Văn phòng HĐND, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thành 01 Văn phòng phục vụ chung cấp huyện; (9) Tiếp tục thực hiện nhất thể hóa một số chức danh ở cấp huyện: Trưởng Ban Dân vận đồng thời là Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Trưởng Ban Tổ chức đồng thời là Trưởng Phòng Nội vụ; Trưởng Ban Tuyên giáo đồng thời là Giám đốc Trung tâm bồi dưỡng chính trị; Chủ nhiệm UBKT đồng thời là Chánh Thanh tra; (10) Thực hiện thí điểm Bí thư huyện ủy đồng thời là Chủ tịch UBND huyện ở những nơi có điều kiện; (11) Khắc phục tình trạng thôn trưởng, tổ trưởng dân phố không phải là đảng viên...

4. Thực hiện mạnh mẽ việc sắp xếp, đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động các đơn vị sự nghiệp công lập theo tinh thần Nghị quyết 19-NQ/TW và Kế hoạch 126-KH/TU của Tỉnh ủy; trọng tâm chỉ đạo là thúc đẩy xã

hội hóa các dịch vụ công, tạo sự cạnh tranh để nâng cao chất lượng; khắc phục độc quyền, trông chờ ỷ lại sự đầu tư của nhà nước; khẩn trương sắp xếp các đơn vị sự nghiệp khối giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục, thể thao.

5. Thực hiện nghiêm túc Nghị quyết 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Hội nghị Trung ương 7 khóa XII về xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực, uy tín và ngang tầm nhiệm vụ và Kế hoạch 156-KH/TU của Tỉnh ủy; trong đó chú trọng:

- Cơ cấu sắp xếp lại đội ngũ cán bộ các cấp, các ngành theo vị trí việc làm, khung năng lực bảo đảm đúng người, đúng việc, giảm số lượng, nâng cao chất lượng, hợp lý về cơ cấu. Kiên quyết không để tệ chạy chức, chạy chỗ, chạy quy hoạch, thân quen, "cánh hẩu" và các tiêu cực khác trong công tác cán bộ xảy ra; ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong cán bộ, đảng viên; tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên; kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa đào tạo với rèn luyện trong thực tiễn và đẩy mạnh học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Thực hiện nghiêm túc chế độ học tập, bồi dưỡng lý luận chính trị và cập nhật kiến thức mới cho cán bộ. Thực hiện tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ phục vụ cho công tác cán bộ và nhân sự Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh và các cấp nhiệm kỳ 2020 - 2025.

- Củng cố, kiện toàn cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy và cán bộ lãnh đạo, quản lý ở các cấp ủy, cơ quan, đơn vị gắn với điều động cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; luân chuyển cán bộ trẻ có năng lực nổi trội, cán bộ nữ, cán bộ là người dân tộc thiểu số trong quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh để đào tạo, rèn luyện, thử thách qua thực tiễn nhằm chuẩn bị nguồn nhân sự kế cận các chức danh lãnh đạo, quản lý cho nhiệm kỳ 2020 – 2025 và các nhiệm kỳ tiếp theo. Xây dựng Đề án, Phương hướng công tác nhân sự Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX theo hướng nâng cao chất lượng, có số lượng và cơ cấu hợp lý, có uy tín, thực sự tiêu biểu về đạo đức cách mạng, bản lĩnh chính trị, trí tuệ, trong sáng, gương mẫu về mọi mặt; Kế hoạch bố trí bí thư cấp ủy cấp huyện không là người địa phương và các chức danh khác, nhất là chức danh chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện ở những nơi có đủ điều kiện. Cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy và người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương phải dành nhiều thời gian, tâm huyết, trí tuệ, trách nhiệm để xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ.

- Tiếp tục rà soát, điều động, điều chuyển số cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo trên 8 năm, cán bộ có biểu hiện trì trệ, bảo thủ, né tránh, ngại va chạm. Thực hiện nghiêm việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, từ chức, cho thôi việc hoặc thay thế kịp thời đối với cán bộ năng lực yếu, phẩm chất đạo đức kém, không hoàn thành nhiệm vụ, tín nhiệm thấp.

6. Hàng năm, thực hiện nghiêm túc, chất lượng công tác đánh giá tổ chức cơ sở đảng, đảng viên và nhận xét, đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp. Xây dựng, củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, cán bộ, đảng viên.

7. Ban hành và chỉ đạo thực hiện tốt Chỉ thị, Kế hoạch về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020 – 2025; thành lập các tiểu ban phục vụ Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX.

IV. Về quốc phòng, an ninh

Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân thực sự vững mạnh; duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, bảo đảm an toàn các mục tiêu chính trị, kinh tế trọng yếu của tỉnh; tăng cường công tác bảo vệ an ninh, chủ quyền vùng biển. Đảm bảo trật tự an toàn giao thông. Nâng cao chất lượng và hiệu quả tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, không để hình thành điểm nóng phức tạp, kéo dài trên địa bàn. Thực hiện có hiệu quả Chiến lược cải cách tư pháp, nâng cao chất lượng công tác điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án; đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí; phòng ngừa, ngăn chặn, đẩy lùi những biểu hiện tiêu cực. Tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho ngư dân về hành nghề kết hợp bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền biển, đảo.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư,
- Các ban đảng Trung ương,
- Các vụ địa phương tại Đà Nẵng,
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND; UBND tỉnh,
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh,
- Ủy ban MTTQVN tỉnh,
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- CVP, PCVP Tỉnh ủy,
- Phòng Kinh tế; Phòng Tổng hợp,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ**

Nguyễn Thanh Quang